

慧
啟
文
集



HUỆ KHÀI

HÀNH TRẠNG

TIỀN KHAI

NGUYỄN NGỌC TƯỜNG

1881-1951

HUỆ KHÀI

HÀNH TRẠNG TIỀN KHAI NGUYỄN NGỌC TƯỜNG 1881-1951

NXB HỒNG ĐỨC

Sách ấn tống. Không bán.



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

HÀNH TRẠNG
TIỀN KHAI NGUYỄN NGỌC TƯỜNG
1881-1951



Huệ Khải, ký họa bút chì. (Họa sĩ Bửu Long)

Quyển 95.1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo
kỷ niệm tám năm phổ thông giáo lý (tháng 6-2008 / tháng 6-2016)

HUỆ KHẢI
(Dũ Lan Lê Anh Dũng)

HÀNH TRẠNG TIỀN KHAI
NGUYỄN NGỌC TƯƠNG
1881-1951

Nhà xuất bản **HÔNG ĐỨC**
Hà Nội 2016



Ấn tổng lần thứ nhất năm ngàn (5.000) quyển
do quý môn sanh **Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo**
chung tay công quả **ba mươi triệu đồng**.

Kính thành hồi hướng cửu huyền thất tổ.
Đồng hiệp tâm cầu nguyện quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoàng dương,
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bị nạn.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do *Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo* thực hiện. Trân trọng kính mời quý vị liên hệ với các điểm phát hành của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biếu).

Kinh sách được ấn tổng để kính biếu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của quý vị.

BAN ÁN TỔNG

PHƯƠNG DANH QUÝ VỊ MẠNH THƯỜNG QUÂN HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHỈNH ĐẠO

001	Thánh thất AN THẠNH: Bến Lức, Long An. Gởi đợt 70.	750.000
002	BẠCH VÂN ĐIỆN: Núi Minh Đạm, Phước Hải, Đất Đỏ, Bà Rịa - Vũng Tàu. Gởi đợt 41.	200.000
003	Thánh thất BÌNH HÒA: Chu Văn An, P12, Bình Thạnh. Gởi đợt 44.	200.000
004	Thánh thất BUỒN HỒ: Dak Lak. Gởi đợt 60HK.	200.000
005	ĐH CHÁNH TRÍ Lê Quang Hồng (TT An Nhứt): Long Điền, Bà Rịa - VT. Gởi đợt 90, 98.	1.300.000
006	Bảo Đàn DƯƠNG TIẾN QUÂN: Gởi đợt 110.	100.000
007	Thánh thất ĐA PHƯỚC: Gởi đợt 48B.	300.000
008	Thánh thất ĐỒ THÀNH: Gởi đợt 41.	200.000
009	ĐH ĐẶNG LỮ ANH KIẾT, TẠ THIÊN BẢO (TT Đò Thành): Gởi đợt 23.	100.000
010	ĐH ĐẶNG THANH NHÂN: Gởi đợt 25.	100.000
011	ĐT ĐẶNG THÚY HẰNG (TT Đò Thành): Gởi đợt 38.	50.000
012	Đạo hữu ĐOÀN NGỌC DƯ (TT Lộ Đò): Gởi đợt 23.	100.000
013	ĐT HÀ THỊ ĐỐC (TT Lộ Đò): Gởi đợt 69.	200.000
014	ĐH HÀ VĂN ĐỖ (TT Thuận Thành): Cán Giuộc. Gởi đợt 5, 7, 33.	300.000
015	ĐT HỒ THỊ VIỆT (TT Tân Sơn Nhì): Lê Trọng Tấn, Tây Thạnh, Tân Phú. Hối hướng giác linh thân mẫu là Giáo Hữu Hương Bầy (Nguyễn Thị Bầy). Gởi đợt 23, 48B.	800.000
016	CTS HỒ THANH NHÂN (TT Bình Hòa): Gởi đợt 79, 80, 89.	250.000
017	ĐT HUỖNH THỊ HẠNH (TT Tân Sơn Nhì): Gởi đợt 14.	30.000
018	ĐH HUỖNH VĂN MIẾN (TT Lộ Đò): Đòng Hồ, Quận 8. Gởi đợt 76, 79, 81.	900.000
019	ĐH HUỖNH VĂN RĂNG: Giồng Trôm. Gởi đợt 17.	100.000
020	Lễ Sanh HỮA CHÍ HÓA (TT Phương Thạnh): Càng Long, Trà Vinh. Gởi đợt 58HK.	100.000
021	Lễ Sanh HƯƠNG BỔNG (TT Đò Thành): Gởi đợt 66, 67.	600.000
022	Lễ Sanh HƯƠNG CÚC (TT Phước Hải). Gởi đợt 28.	100.000
023	ĐT HƯƠNG HẠNH (TT Tân Sơn Nhì): Gởi đợt 14.	100.000
024	Lễ Sanh HƯƠNG LỆ Lê Thị Lệ (TT Bình Khánh): Hối hướng cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 28, 33, 39, 41, 48B.	250.000
025	Lễ Sanh HƯƠNG MỤI (TT Long Nhất): Long Điền. Gởi đợt 48B.	50.000
026	Lễ Sanh HƯƠNG NGÃI Nguyễn Thị Ngãi (TT Lương Phú): Giồng Trôm. Gởi đợt 67.	100.000
027	ĐT HƯƠNG NHUNG (TT An Phú Tây): Bình Chánh. Gởi đợt 73.	100.000
028	Giáo Hữu HƯƠNG QUYÊN Nguyễn Thị Quyên (TT Bình Thạnh): Thạnh Phú, Bến Tre. Gởi đợt 4, 9, 12, 28, 33, 72. Hối hướng chơn linh Giáo Hữu Thượng Lục Thanh, và mẹ (Giáo Hữu Hương Tâm).	650.000
029	Lễ Sanh HƯƠNG TẶNG (TT Bình Thạnh): Thạnh Phú, Bến Tre. Gởi đợt 43.	100.000
030	Lễ Sanh HƯƠNG THUẬN Lê Thị Thuần (TT Bình Thạnh): Gởi đợt 33, 37.	100.000
031	Chơn linh Lễ Sanh HƯƠNG TRẦM (TT Bình Thạnh): Thạnh Phú. Gởi đợt 91.	300.000
032	Lễ Sanh HƯƠNG TRÒN Nguyễn Thị Tròn (TT Đò Thành): Gởi đợt 13, 41.	300.000

033	Nhà tu trung thừa HỮU ĐÌNH: ấp 4 (Bến Tre). Gởi đợt 94.	700.000
034	Đạo hữu LÂM HOÀNG PHONG, ĐH LÂM HOÀNG PHÚC, LÂM HOÀNG PHƯƠNG, NGUYỄN THỊ HIỆP (TT Tam Thôn Hiệp): Hối hướng giác linh bà ngoại, bà cố là ĐT Nguyễn Thị Trám (quy ngày 11-10-2009). Gởi đợt 33.	250.000
035	ĐH LÊ NGỌC CHẮT (TT Lộ Đò): Gởi đợt 76.	50.000
036	Đạo hữu LÊ THANH TUYẾN: Quận 5. Gởi đợt 13, 15.	150.000
037	Cháu LÊ THẾ VINH (13 tuổi): ấp 2, Lương Phú, Hưng Phong, Giồng Trôm. Đợt 102.	100.000
038	ĐT LÊ THỊ CHÂU EM (TT Tam Thôn Hiệp): Hối hướng thân phụ (ĐH Lê Văn Đẩu). Gởi đợt 33, 38, 41.	250.000
039	ĐT LÊ THỊ CHUA (TT Tam Thôn Hiệp): Gởi đợt 48B.	20.000
040	ĐT LÊ THỊ HỮU (TT Trường An): Tân Quới Hưng, Trường An, Vĩnh Long). Gởi đợt 109.	100.000
041	ĐT LÊ THỊ LOAN, ĐH NGUYỄN VĂN NHỎ (TT Tam Thôn Hiệp): Gởi đợt 48B.	50.000
042	ĐT LÊ THỊ LOAN ANH (TT An Phú Tây): Gởi đợt 66.	200.000
043	ĐT LÊ THỊ MAI (TT Phước Hải): Gởi đợt 28.	50.000
044	ĐT LÊ THỊ MINH NGUYỆT (TT Đò Thành). Gởi đợt 62.	400.000
045	ĐT LÊ THỊ NGỌC DUYẾN (TT Thuận Kiều): Gởi đợt 50.	200.000
046	ĐT LÊ THỊ THANH PHƯƠNG (TT Đò Thành): Hối hướng chơn linh thân phụ (ĐH Phan Văn Hương). Gởi đợt 94.	200.000
047	ĐH LÊ TRỌNG TÍN (TT Thăng Tam): Tp Vũng Tàu. Gởi đợt 82.	200.000
048	ĐH LÊ TỰ TRƯỞNG (TT Bồng Lai): Lâm Đổng. Gởi đợt 95.	100.000
049	Thái Lễ Sanh LÊ VĂN BA (TT Bình Thạnh): Mỹ Hưng, Thạnh Phú. Gởi đợt 20, 43.	200.000
050	ĐH LÊ VĂN BỔNG (TT Long Điền): Bà Rịa - Vũng Tàu. Gởi đợt 82.	300.000
051	ĐH LÊ VĂN CHI, ĐT NGUYỄN TUYẾT MAI (TT Tam Thôn Hiệp): Gởi đợt 48B.	50.000
052	Thánh thất LỘ ĐÒ: Quận 8, TpHCM. Gởi đợt 28, 48B, 85, 92.	800.000
053	PTS LƯƠNG THÁI NIỀNG (TT Phương Thạnh): Càng Long. Gởi đợt 58HK.	50.000
054	ĐT MAI THỊ MỸ (TT Phương Thạnh): Càng Long, Trà Vinh. Gởi đợt 58HK.	200.000
055	Thánh thất MỸ HẠNH: Đức Hòa, Long An. Gởi đợt 50, 60HK (hai lần).	600.000
056	Giáo Hữu NGỌC BÁ THANH Trần Ngọc Bá (TT Biên Hòa): Gởi đợt 54.	200.000
057	ĐH NGỌC BÉ THANH Nguyễn Văn Bé (TT Phước Đông): Gởi đợt 9, 70, 71.	750.000
058	Lễ Sanh NGỌC BÚP THANH (TT Bình Hòa): Gởi đợt 1, 2, 25, 48B.	550.000
059	Lễ Sanh NGỌC DỌN THANH (Võ Văn Dọn): Nhà tu Tr Thừa Tân Lân. Gởi đợt 55HK.	200.000
060	Giáo Sư NGỌC ĐÁY THANH Lê Văn Đáy (TT Đò Thành): Gởi đợt 52HK.	100.000
061	Lễ Sanh NGỌC NHI THANH, ĐT HƯƠNG LỆ (TT Trường Bình): Gởi đợt 28.	100.000
062	Lễ Sanh NGỌC RĂNG THANH (TT Tân Kim): Gởi đợt 71.	150.000
063	Lễ Sanh NGỌC TÀI THANH (TT Đa Lộc): Châu Thành, Trà Vinh. Gởi đợt 73.	200.000
064	Lễ Sanh NGỌC THIÊN THANH (TT Đò Thành): Gởi đợt 9, 20, 41, 82.	830.000
065	ĐH NGUYỄN HÀ ĐA PHƯỚC (TT Lộ Đò): Gởi đợt 33.	100.000
066	ĐH NGUYỄN HOÀNG ĐÔNG, ĐT PHẠM THỊ THÚY PHƯƠNG (TT Tam Thôn Hiệp): Hối hướng mẹ và bà ngoại (ĐT Nguyễn Thị Trám, quy ngày 11-10-2009). Gởi đợt 33, 41.	150.000

067	ĐH NGUYỄN KIM DUNG: Trần Hưng Đạo, Sa Đéc. Hồi hương cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 55HK.	100.000
068	ĐH NGUYỄN MÃNH (TT Long An): Gởi đợt 59HK.	100.000
069	ĐH NGUYỄN MINH TRI (TT An Thới Đông): Cán Giờ. Gởi đợt 39.	100.000
070	ĐH NGUYỄN QUỐC THANH, ĐH PHAN HỮU MINH (TT Thuận Kiều): Gởi đợt 66.	300.000
071	ĐH NGUYỄN THANH QUANG (TT Tân Kim): Gởi đợt 88.	100.000
072	ĐT NGUYỄN THỊ ANH (TT An Phú Tây): Gởi đợt 53HK.	200.000
073	ĐT NGUYỄN THỊ BÉ CHÍN (TT Phước Hải): Gởi đợt 28.	100.000
074	ĐT NGUYỄN THỊ BÌNH, PHẠM ANH KHOA, PHẠM QUANG SƠN, PHẠM QUANG TUYẾN (TT Tam Thôn Hiệp): Hồi hương cha mẹ và giác linh bà nội, bà ngoại (ĐT Nguyễn Thị Trâm, quy ngày 11-10-2009). Gởi đợt 33.	110.000
075	ĐT NGUYỄN THỊ CHIẾU (TT Tân Kim): Gởi đợt 14, 17, 20.	400.000
076	ĐT NGUYỄN THỊ CHÍNH (TT Lộ Đò): Gởi đợt 20, 24.	200.000
077	ĐT NGUYỄN THỊ CƠM (TT Long Hựu Đông): Gởi đợt 37, 38, 42, 45, 50.	900.000
078	ĐT NGUYỄN THỊ CỬA (TT Lộ Đò): Gởi đợt 24, 69.	200.000
079	ĐT NGUYỄN THỊ HẠNH (TT Bình Khánh): Hồi hương cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 48B.	50.000
080	ĐT NGUYỄN THỊ HẠNH (TT Bình Thạnh): Thạnh Phú, Bến Tre. Hồi hương thân phụ (ĐH Nguyễn Văn Chạt). Gởi đợt 33.	100.000
081	ĐT NGUYỄN THỊ KHẾO (TT Thành Công): Hồi hương thân mẫu (ĐT Phạm Thị Bài, 72 tuổi). Gởi đợt 25.	200.000
082	ĐT NGUYỄN THỊ KIM THANH (TT Phương Thạnh): Càng Long. Gởi đợt 58HK.	100.000
083	ĐT NGUYỄN THỊ KIM THỦY (TT Bến Tre): Trần Hưng Đạo, Sa Đéc. Hồi hương cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 51, 55HK.	330.000
084	ĐT NGUYỄN THỊ LIÊN (TT Bình Thạnh): Thạnh Phú, Bến Tre. Gởi đợt 70.	100.000
085	ĐT NGUYỄN THỊ LỤA (TT An Nhứt): Long Điền. Gởi đợt 48B.	100.000
086	ĐT NGUYỄN THỊ MẪU (TT Lương Phú): ấp 4, Lương Phú, Giồng Trôm. Gởi đợt 67.	100.000
087	Chon linh ĐT NGUYỄN THỊ MỸ AN (TT Lộ Đò): Gởi đợt 74.	100.000
088	ĐT NGUYỄN THỊ MỸ LÊ (TT Bồng Lai): Hiệp Thạnh, Đức Trọng. Gởi đợt 79.	20.000
089	ĐT NGUYỄN THỊ MỸ LINH (TT Đò Thành): Gởi đợt 38.	200.000
090	CTS NGUYỄN THỊ PHỈ (TT Phương Thạnh): Càng Long, Trà Vinh. Gởi đợt 58HK.	50.000
091	ĐT NGUYỄN THỊ THANH (TT Lộ Đò): Gởi đợt 33, 41.	200.000
092	ĐT NGUYỄN THỊ THANH LAN (TT Lộ Đò): Gởi đợt 24.	200.000
093	ĐT NGUYỄN THỊ THẨM (TT Phương Thạnh): Gởi đợt 9.	50.000
094	ĐT NGUYỄN THỊ THOẠI (TT Lộ Đò): Gởi đợt 48B.	100.000
095	ĐT NGUYỄN THỊ THỜI (TT Lộ Đò): Gởi đợt 97.	200.000
096	ĐT NGUYỄN THỊ THU (TT Đò Thành): Gởi đợt 90.	100.000
097	ĐT NGUYỄN THỊ THU TRANG (TT Bồng Lai): Hiệp Thạnh, Đức Trọng, Lâm Đồng. Gởi đợt 71, 79. Hồi hương giác linh chống (ĐH Nguyễn Văn Thương).	250.000
098	ĐT NGUYỄN THỊ TRINH (67 tuổi, TT Bình Khánh): Hồi hương cứu huyền thất tổ.	150.000

	Gởi đợt 28, 33, 38.	
099	ĐT NGUYỄN THỊ TÝ (TT Bình Khánh): Gởi đợt 78.	50.000
100	ĐT NGUYỄN THỊ ÚT (TT An Nhứt): Long Điền. Gởi đợt 48B.	50.000
101	ĐT NGUYỄN THỊ ÚT (TT Thuận Kiều): Gởi đợt 50.	100.000
102	ĐT NGUYỄN THỊ XINH (TT Long Hòa): Bình Đại, Bến Tre. Gởi đợt 40.	200.000
103	ĐT NGUYỄN THỊ YẾN (TT Tân Nhựt): Tân Tạo A, KP2, Bình Tân. Gởi đợt 49.	200.000
104	PTS NGUYỄN TRUNG TRINH (TT Bình Khánh): H.hương cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 49.	50.000
105	ĐH NGUYỄN VĂN CƯỜNG (TT Tân Kim): Gởi đợt 69, 75.	300.000
106	PTS NGUYỄN VĂN DẮM (TT Bình Khánh): Cán Giờ. Gởi đợt 27, 33, 39, 78.	200.000
107	ĐH NGUYỄN VĂN ĐIẾP (TT Phương Thạnh): Càng Long, Trà Vinh. Gởi đợt 48B, 58.	400.000
108	ĐH NGUYỄN VĂN ĐỨC (nguyên Chánh Trị Sự TT Bình Khánh): Hồi hương thân phụ (Thượng Lễ Sanh Nguyễn Văn Trần), thân mẫu (Nguyễn Thị Nhỏ, 90 tuổi), cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 26, 27, 33, 39, 41, 48B, 49, 78.	650.000
109	ĐH NGUYỄN VĂN HIỆP (TT Đò Thành): Gởi đợt 20.	100.000
110	ĐH NGUYỄN VĂN HOÀNG, ĐT LÊ THỊ THU HÀ (TT Tam Thôn Hiệp): Gởi đợt 33, 38, 41, 48B.	400.000
111	Bảo Sanh Quân NGUYỄN VĂN HUỆ (TT Lộ Đò): Gởi đợt 1.	100.000
112	ĐH NGUYỄN VĂN NHỰT (TT Rạch Kiến): Long Hòa. Gởi đợt 71.	200.000
113	ĐH NGUYỄN VĂN NƠI: Gởi đợt 23.	100.000
114	ĐH NGUYỄN VĂN TÂM (TT Long Hựu Đông): Gởi đợt 50.	100.000
115	ĐH NGUYỄN VĂN THÂN (TT Long Hậu): Gởi đợt 76.	200.000
116	ĐH NGUYỄN VĂN TÔ (TT An Thới Đông): Cán Giờ. Gởi đợt 48B.	100.000
117	ĐH PHẠM NGỌC KỶ (TT Bồng Lai): Hiệp Thạnh, Đức Trọng, Lâm Đồng. Hồi hương Lễ Sanh Phạm Ngọc Hoài Thanh. Gởi đợt 71.	200.000
118	Thái Lễ Sanh PHẠM PHÚ QUÍ (TT Đa Phước): Bình Chánh. Gởi đợt 39, 58HK.	600.000
119	ĐT PHẠM THỊ ẬU (TT Lộ Đò): Gởi đợt 24.	200.000
120	ĐT PHẠM THỊ HAI (TT Tam Thôn Hiệp): Gởi đợt 33, 38, 41, 48B.	180.000
121	ĐT PHẠM THỊ HỒNG HIỆP, ĐT PHẠM THỊ KIM HOÀNG (TT Tam Thôn Hiệp): Hồi hương song thân (ĐH Phạm Văn A, quy 27-6-1980; ĐT Nguyễn Thị Trâm, quy 11- 10-2009). Gởi đợt 48B	200.000
122	ĐT PHẠM THỊ HUỲNH (TT Phước Lại): Gởi đợt 75, 81.	800.000
123	ĐT PHẠM THỊ KIM ANH (TT Tam Thôn Hiệp): Gởi đợt 33, 41.	100.000
124	ĐT PHẠM THỊ PHƯỢNG (TT Tam Thôn Hiệp): Gởi đợt 92.	300.000
125	ĐT PHẠM THỊ QUỲNH HƯƠNG (TT Nhựt Chánh): Long An. Gởi đợt 109.	200.000
126	ĐH PHẠM THUẬN ĐIỂM (TT Bình Thạnh): Thạnh Phú, Bến Tre. Gởi đợt 70.	100.000
127	ĐH PHAN NGỌC LONG (thánh thất 13, Sa Đéc): Gởi đợt 95.	200.000
128	Thánh thất TIÊN LONG: Tiên Long, Châu Thành, Bến Tre. Gởi đợt 68.	330.000

Tổng cộng: 30.000.000 đồng

MỤC LỤC

<i>Giao Cảm</i>	10
<i>Niên Biểu Tiền Khai NGUYỄN NGỌC TƯƠNG</i>	13
<i>Phụ bản</i>	83
<i>Phụ lục</i>	104
<i>Sách tham khảo</i>	113

HUỆ KHÁI Lê Anh Dũng
giữ bản quyền © *All rights reserved.*

GIAO CẢM

Tác gia người Anh là George Orwell (1903-1950) khẳng định: “*Cái cách hiệu quả nhất để hủy hoại con người là phủ nhận và xóa sạch sự hiểu biết của chính họ về lịch sử của họ.*”⁽¹⁾ Nương theo lời ông, chúng ta hãy nói: Để xiển dương và phát triển bền vững đạo Cao Đài một cách hiệu quả, người tín hữu Cao Đài cần phải hiểu biết lịch sử tôn giáo Cao Đài.

Nhận thức như vậy, tôi sớm quan tâm tìm hiểu lịch sử đạo nhà và mấy năm qua, trong khả năng hạn hẹp, tùy cơ duyên sẻ chia với đồng đạo đôi điều bản thân học hỏi được.

Không kể các tự truyện (*autobiographies*) hay hồi ký (*memoirs*), phép chép sử xưa nay thường phổ biến ba thể loại:

- thông sử (*general / narrative / comprehensive history*),
- kỹ truyện (*biographies*), và
- biên niên sử (*chronological history*).

Thông sử và kỹ truyện là hai thể loại dễ đọc, nếu người viết có thể cố kết mạch lạc các sự kiện kèm thêm chút bình

⁽¹⁾ The most effective way to destroy people is to deny and obliterate their own understanding of their history.

luyện đúng đắn, chùng mực. Trước đây tôi đã xuất bản hai tập sách nhỏ, tạm xem là viết theo lối thông sử:

- *Lịch Sử Đạo Cao Đài Thời Kỳ Tiền Ấn 1920-1926* (Huế: Nxb Thuận Hóa, 1996).

- *Lược Sử Đạo Cao Đài: Khai Minh Đại Đạo 1926* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2015).

Ngoài ra, viết theo lối kỹ truyện, có quyển *Ngô Văn Chiêu – Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2008, 2009, 2012).

Trong quá trình làm việc, tôi gặp một trở ngại lớn: Xác định ngày tháng năm các sự kiện lịch sử. Do đó, tôi sớm nghĩ tới việc tích lũy tài liệu cho dự định viết biên niên sử Cao Đài.

Sử biên niên có nhược điểm là khô khan, các sự kiện cùng một nhân vật hay một vấn đề không được nối kết mà lại phân tán rải theo dòng thời gian. Nhưng nó có ưu điểm là cho phép người viết trình bày vấn đề không cần bình luận, có thể tạm thời gác lại một số sự kiện chưa được khảo chứng, hoặc chưa nên công bố vì thời gian chưa chín muồi, chưa thích hợp. Hơn thế nữa, khi thiết lập được sử biên niên, sẽ có căn cứ rất hữu ích, góp phần trợ giúp khảo chứng các sử liệu.

Mấy năm trước, tôi cùng hiền tỷ Cao Bạch Liên xuất bản *Hành Trạng Tiền Bối Cao Triều Phát* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, 2012), viết theo lối biên niên.

Năm nay, quyển *Hành Trạng Tiền Khai Nguyễn Ngọc Tương* là một tập biên niên sử thứ hai được hân hạnh gửi đến quý đạo tâm, đạo hữu.⁽²⁾

Tôi xin hết lòng tạ ơn quý vị Mạnh Thường Quân đã tin cậy và thương mến *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* nên suốt tám năm qua (2008-2016) thường xuyên tài trợ để cho tập sách nhỏ này cũng như cả trăm nhan đề khác được nối tiếp nhau phát hành rộng khắp các tỉnh thành, quận huyện trên quê hương yêu dấu. Đây cũng là một nỗ lực đầy ý thức để cộng đồng áo trắng chúng ta tích cực công quả, góp phần phổ thông giáo lý và xương minh lịch sử đạo Cao Đài, cùng hiệp tâm thương Thầy mến Đạo mà hướng lòng về thời điểm kỷ niệm một trăm năm chánh pháp Cao Đài (1926-2026).

Con cúi xin Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ ban ơn lành đến toàn thể các vị ân nhân và cứu huyền thất tổ của những vị con mãi mang ơn.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Phú Nhuận, tháng Tư 2016.

Huệ Khải

⁽²⁾ Các vị tiền khai (*founders*) là những tông đồ Cao Đài đầu tiên, có công khai đạo tại Sài Gòn vào năm 1926.

NIÊN BIỂU TIỀN KHAI NGUYỄN NGỌC TƯƠNG

THỨ TƯ 22-6-1881 (26-5 Tân Ty):

Tiền khai ⁽¹⁾ Nguyễn Ngọc Tương chào đời tại làng An Hội, tổng Bảo Hựu, tỉnh Bến Tre. Song thân là ông Nguyễn Ngọc Đâu (1857-1882) và bà Võ Thị Sốt (1856-1919). Tổ ba đời là ông Nguyễn Đức Loan, người tỉnh Bình Thuận.

Tháng 7-1882 (tháng 6 Nhâm Ngọ):

Thân phụ tiền khai Nguyễn Ngọc Tương (ông Nguyễn Ngọc Đâu) qua đời. Tiền khai sống với ông nội là Nguyễn Hữu Chơn (1832-1908).

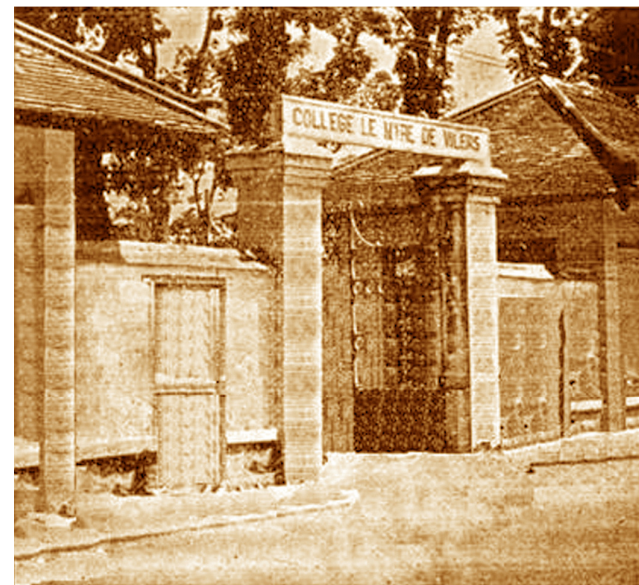
1886 (Bính Tuất):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương học chữ Nho và một ít chữ quốc ngữ tại nhà, do ông nội là Nguyễn Hữu Chơn (1832-1908) chỉ dạy.

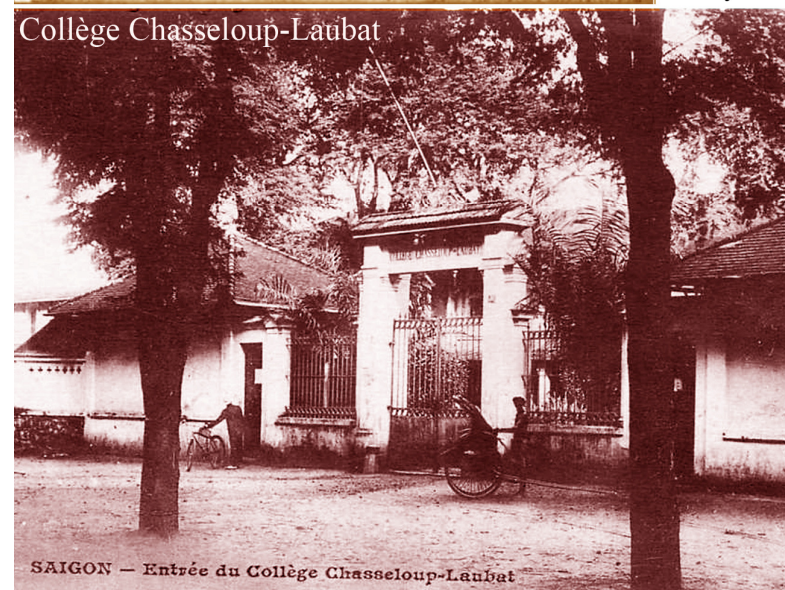
1895 (Ất Mùi):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương học lớp ba trường tỉnh Bến Tre.

⁽¹⁾ Các vị tiền khai là những tông đồ Cao Đài đầu tiên, có công khai đạo tại Sài Gòn vào năm 1926.



◀ Collège de Mỹ Tho



1897 (Đinh Dậu):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương thi đậu vào collège de Mỹ Tho.⁽²⁾

1900 (Canh Tý):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương lên Sài Gòn theo học collège Chasseloup-Laubat.⁽³⁾

1902 (Nhâm Dần):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương tốt nghiệp collège Chasseloup-Laubat.

Thi đậu vào ngạch Thơ Ký Thượng Thơ, làm việc tại Phủ Thượng Thơ⁽⁴⁾ ở Sài Gòn một năm.

Kết hôn với cô Trương Thị Tài (1886-1906). Sinh được một con gái là Nguyễn Thị Tú (1903-1926), và một con trai là Nguyễn Ngọc Hớn (1905-1951).

⁽²⁾ Xem *Phụ Lục*, phần III, mục 4.

⁽³⁾ Xem *Phụ Lục*, phần III, mục 5.

⁽⁴⁾ Phủ Thượng Thơ cũng gọi là Dinh Thượng Thơ (*Direction de l'Intérieur*) hay Dinh Hiệp Lý, thay cho tên gọi Dinh Đồng Lý Nội Vụ (*Direction de l'Intérieur*), trụ sở cất xong năm 1864. Từ năm 1946 gọi là Dinh Thủ Hiến Nam Việt, rồi trở thành Tòa Đại Biểu Nam Phần, sau đó là Bộ Kinh Tế Việt Nam Cộng Hòa với mặt tiền hướng ra đường Gia Long, tọa lạc ở góc đường Tự Do (nay là Đồng Khởi) và Gia Long (nay là Lý Tự Trọng).

1903 (Quý Mão):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương đổi về Bến Tre, làm việc tại tỉnh nhà suốt mười bảy năm (1903-1920).

1906 (Bính Ngọ):

Người phối ngẫu của tiền khai Nguyễn Ngọc Tương (bà Trương Thị Tài) qua đời.

1908 (Mậu Thân):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương tục huyền với cô Bùi Thị Giàu (1884-1937). Bà sinh được ba con trai là Nguyễn Ngọc Kỳ (1910-1978), Nguyễn Ngọc Bích (1911-1966), Nguyễn Ngọc Nhựt (1918-1952); và được hai con gái là Nguyễn Thị Yển (1913-2004), và Nguyễn Thị Nguyệt (1915-2009).

1919 (Kỷ Mùi):

Tại Bến Tre, tiền khai Nguyễn Ngọc Tương hiệp cùng một số vị thành lập *Hội Buôn An Nam* và *Hội Khuyến Văn* trước khi đổi đi quận Châu Thành (tỉnh Cần Thơ).

Hội Buôn An Nam có mục đích giúp đồng bào ý thức, biết bảo vệ quyền lợi kinh tế và thương mại vì thời ấy thương trường hầu như do ngoại kiều chi phối trọn vẹn.

Hội Khuyến Văn có mục đích khuyến khích dân chúng hiếu học để tiến bộ và bảo vệ phong hóa nước nhà. Hội tổ chức những buổi diễn thuyết và lưu hành một nội san để cổ

động đồng bào học quốc ngữ, đọc sách báo, sáng tác thơ văn, đề cao đạo nghĩa nhân luân, tình yêu nước thương nòi, bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục...

Cuối năm, tiền khai thi đậu ngạch tri huyện.⁽⁵⁾

1920-1924 (Canh Thân - Giáp Tý):

Tiền khai được bổ đi làm chủ quận Châu Thành (tỉnh Cần Thơ).⁽⁶⁾ Ba tháng sau, đổi đi làm chủ quận Hòn Chông (tỉnh Hà Tiên).

Dân địa phương phần đông là người gốc Miên (*Khmer*) và Hoa kiều, người Việt thưa thớt. Dân chúng hầu hết nghèo nàn, cơ cực, thất học. Tiền khai chỉ dẫn cách nung đá làm vôi, giúp họ kế sinh nhai. Tiền khai cho cất chợ, nhà

⁽⁵⁾ Những năm trước 1925, trường cao đẳng dạy luật và hành chánh ở Hà Nội (*école supérieure de droit et d'administration*) chưa đào tạo và cung cấp đủ người dùng, thì ngạch tri huyện cũng được tuyển chọn trong hàng thợ ký lâu năm, nhưng buộc họ phải qua hai kỳ thi gay go: (a) *examen de culture générale*, khảo về học lực phổ thông; (b) *concours professionnel*, khảo về chuyên nghiệp và khả năng. Ngạch tri huyện có hai bậc: Hạng nhì (huyện *de 2e classe*), và cao hơn là hạng nhất (huyện *de 1er classe*). Năm 1920, mức lương tri huyện hạng nhất khoảng 1.222 đồng. (Huệ Khải, *Ngô Văn Chiêu – Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2012, tr. 10.)

⁽⁶⁾ Do nghị định ngày 15-02-1898, chủ quận được tuyển trong số viên chức hành chánh người Việt nào đã có ngạch huyện, phủ, đốc phủ sứ. Chủ tỉnh vẫn là người Pháp. Xem *Phụ Lục*, phần III, mục 3.

thương, trường học, đào kinh dẫn nước vào các ruộng, đặc biệt là đào con kinh chạy từ quận Hòn Chông tới quận Rạch Giá. Tiền khai giúp vốn và chỉ dẫn dân chúng khai khẩn đất hoang, đất rừng thành đồng ruộng.

Chẳng những không tìm cách chiếm hữu các thửa đất mới được khai khẩn, tiền khai còn từ khước việc chánh phủ thuộc địa muốn tưởng thưởng công lao bằng cách cấp một sở đất để tiền khai đứng tên làm chủ.

Trong mấy năm làm việc ở quận Hòn Chông, tiền khai có tu theo đạo Minh Sư,⁽⁷⁾ ăn chay và tịnh luyện.

1924-1927 (Giáp Tý - Đinh Mão):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương làm chủ quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn.⁽⁸⁾ Thời gian này tiền khai được thăng ngạch tri phủ.⁽⁹⁾

⁽⁷⁾ Tổ sư đời thứ mười lăm của đạo Minh Sư là Đông Sơ đưa đạo Minh Sư từ Trung Quốc truyền sang Xiêm (Thái Lan) rồi qua Việt Nam năm 1863 (đời vua Tự Đức). Trước tiên, tổ sư Đông Sơ lập Quảng Tế Phật Đường tại tỉnh Hà Tiên.

⁽⁸⁾ Đổi về quận Cần Giuộc không lâu, tiền khai xử vụ kiện như sau: Lấy chồng được sáu tháng, cô vợ bỏ về nhà cha mẹ, bên chồng đệ đơn kiện lên quận. Tại công đường, cô vợ giải bày rằng trong nửa năm ở nhà chồng cô chỉ làm dâu chứ không hề được làm vợ. Người chồng thú thật đã vay số tiền lớn lo cưới vợ, nên sau đám cưới phải đi ở đợ để trả cho tới khi nào dứt vốn lẫn lời, vợ chồng mới cưới vì thế đành phân ly. Chủ nợ xác nhận sự việc như vậy. Đau lòng trước cảnh khổ của vợ chồng son, tiền khai lấy tiền riêng trả nợ thay cho họ.

THỨ HAI 01-02-1926 (19-12 Ất Sửu):

Các tiền khai Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc xin Đức Cao Đài đi Cần Giuộc độ tiền khai Nguyễn Ngọc Tương lúc ấy đang làm chủ quận Cần Giuộc.

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương nhập môn Cao Đài tại quận Cần Giuộc. Tại quận này, sau một ngày làm việc đòi, mỗi tối tiền khai lại chăm lo đi các nơi để khai đàn thượng tượng hoặc giảng đạo. Thường khi phải đi đến sáng, bất kể gió mưa ướt át, đường sá lầy lội. Số người nhập môn tăng lên rất nhanh, không chỉ trong quận Cần Giuộc mà còn ở mấy quận lân cận.

Trong buổi đầu mở đạo Cao Đài, việc phổ độ ở Cần Giuộc rất thuận lợi. Ngày nay Cần Giuộc có rất nhiều thánh thất. Một số thánh thất do tiền khai thành lập như: Mỹ Lộc, Tân Chánh, Tân Kim, Tân Quý Tây, v.v...

THỨ BẢY 27-02-1926 (15-01 Bính Dần):

Trong đàn cơ tại nhà tiền khai Nguyễn Ngọc Tương (đỉnh quận Cần Giuộc), Đức Cao Đài dạy:

⁽⁹⁾ Cũng như ngạch tri huyện, ngạch tri phủ có hai hạng. Người có ngạch tri huyện hạng nhất, nếu đủ thâm niên sẽ được thi lên ngạch tri phủ hạng nhì (phủ *de 2e classe*), mức lương năm 1924 khoảng 1.672 đồng. Cao hơn là ngạch tri phủ hạng nhất (phủ *de 1er classe*), mức lương năm 1926 khoảng 1.933 đồng. Cao hơn ngạch tri phủ là đốc phủ sứ, thường gọi tắt là đốc phủ. (Huệ Khải, *Ngô Văn Chiêu – Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên*, tr. 11-12.)

Tương! Từ đây con trấn nhậm nơi nào thì là hồng phúc của nơi ấy. Con nghe:

*Con trị ai Thầy cũng trị ai
Một lòng đạo đức chớ đơn sai⁽¹⁰⁾
Năm năm công quả tua⁽¹¹⁾ bền chí
Chỉ dẫn nhơn sanh bước lạc loài.⁽¹²⁾*

THỨ NĂM 04-3-1926 (20-01 Bính Dần):

Tuân lệnh Đức Cao Đài, tiền khai Nguyễn Ngọc Tương (đang làm chủ quận Cần Giuộc) và một số tiền khai khác cùng đến Vĩnh Nguyên Tự (làng Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn) xin phép lập đàn cơ.

Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long (khi xưa sáng lập chùa Vĩnh Nguyên) giảng cơ, dạy rằng Ngài đã đặc quả vị Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn và khuyên các môn đồ cùng thân quyến quy hiệp đạo Cao Đài. Nhục tử của Ngài là tiền khai Lê Văn Lịch vâng lời.

Sau đó tiền khai Lê Văn Trung tuân lệnh Đức Cao Đài đến làm lễ khai đàn thượng tượng cho tiền khai Lê Văn Lịch vào Thứ Bảy 10-4-1926 (28-02 Bính Dần).

THỨ BẢY 26-6-1926 (17-5 Bính Dần):

⁽¹⁰⁾ *Chớ đơn sai*: Đừng điều ngoa, gian dối.

⁽¹¹⁾ *Tua*: Nên (do chữ Hán là 須).

⁽¹²⁾ Thánh thất An Hội, *Châu Tri Chính Đạo 1934-1936*. Sài Gòn: Nhà in Hòa Chánh 1954, tr. 51.

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương thọ Thiên phong Phối Sư phái Thượng, thánh danh là Thượng Tương Thanh.

THỨ TƯ 29-9-1926 (23-8 Bính Dần):

Trong buổi họp Khai Tịch Đạo tại nhà tiền khai Nguyễn Văn Tường ở Sài Gòn, có hai trăm bốn mươi lăm vị hiện diện. Trong danh sách ký tên, tiền khai Nguyễn Ngọc Tương là vị có số thứ tự 162.

Trên tờ Khai Tịch Đạo ghi ngày 07-10-1926 (01-9 Bính Dần) do tiền khai Lê Văn Trung gọi Quyền Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol,⁽¹³⁾ trong danh sách hai mươi tám môn đệ do Đức Cao Đài chọn đưa vào, vị đứng thứ năm là tiền khai Nguyễn Ngọc Tương (Tri Phủ, chủ quận Cần Giuộc).

THỨ TƯ 13-10-1926 (07-9 Bính Dần):

Đức Cao Đài dạy: “*Các con tức cấp lo phổ độ... Thầy dặn các con phải phân nhau mà đi cho khắp.*”

Sau đó các tiền khai tiến hành phổ độ Lục Tỉnh,⁽¹⁴⁾ chia

⁽¹³⁾ Ngày 09-4-1926 Aristide Eugène le Fol, ngạch tham biện hạng nhất (*administrateur de 1er classe*), được bổ làm quyền thống đốc Nam Kỳ, nhậm chức ngày 19-4-1926. Như vậy các sách sử Cao Đài hay chép Le Fol là *thống đốc* thì không đúng. Ông chỉ là quyền thống đốc, đảm nhiệm chức vụ trong khoảng hơn nửa năm trong lúc chờ một thống đốc chính thức từ Pháp bổ sang. Trong cách xưng hô (như trên Tờ Khai Đạo ngày 07-10-1926), mọi người vẫn gọi ông là thống đốc vì phép lịch sự.

⁽¹⁴⁾ Về nguồn gốc tên gọi *Lục Tỉnh*, xem *Phụ Lục*, phần I.

làm ba nhóm. Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương thuộc nhóm thứ nhì (cùng với các tiền khai: Lê Văn Hóa, Lê Văn Lịch, Nguyễn Dur Hoài, Nguyễn Văn Ca, Trần Quang Minh, Võ Văn Lý, Yết Ma Luật...), phụ trách các tỉnh: Bến Tre, Chợ Lớn, Gò Công, Mỹ Tho, Tân An. Phò loan của nhóm là hai tiền khai Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức.

THỨ BA 16-11-1926 (12-10 Bính Dần):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương được Đức Chí Tôn phong phẩm Chánh Phối Sư phái Thượng, cùng một đợt với Chánh Phối Sư Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang) và Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh (Nguyễn Ngọc Thơ).

1927-1930 (Đinh Mão - Canh Ngọ):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương làm chủ quận Xuyên Mộc (tỉnh Bà Rịa). Quận này hẻo lánh, gần rừng núi, cạnh bờ biển, hầu như còn hoang sơ. Người Kinh chiếm khoảng phân nửa dân số, còn lại là người dân tộc.⁽¹⁵⁾

Tiền khai cho mở trường học, lập chợ để cải thiện đời sống dân chúng, mở đường giao thông, đặc biệt là con lộ từ Long Hải đi Nước Ngọt. Xin phép chánh phủ thuộc địa cho dân khẩn rừng khai hoang lấy đất canh tác.

Tại Xuyên Mộc, tiền khai mở được các thánh thất như: Hội Mỹ, Long Tân, Xuyên Mộc...

⁽¹⁵⁾ Thời Pháp thuộc, người dân tộc bị gọi là *mọi*, về sau gọi là đồng bào *thiếu số*.

Đầu năm 1927:

Thọ lệnh của Đức Lý Giáo Tông tại Thiên Lâm Tự (thường gọi chùa Gò Kén, làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh), Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh cùng Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh (Lâm Thị Thanh) thay mặt Hội Thánh đứng tên làm chủ đất đai, tài sản mới mua của Đạo.

THỨ BẢY 11-6-1927 (12-5 Đinh Mão):

Đền Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khởi công xây dựng tại làng Long Thành (tỉnh Tây Ninh).

THỨ BẢY 22-11-1930 (03-10 Canh Ngọ):

Tại Tòa Thánh Tây Ninh, Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch và Hộ Pháp Phạm Công Tắc cùng ký tên vào Bát Đạo Nghị Định (sẽ ban hành ngày 15-10 Canh Ngọ).

Nội dung Đạo Nghị Định thứ Nhì như sau (trích):

Điều thứ nhì: Chức sắc Cửu Trùng Đài, duy bậc Chánh Phối Sư phải từng quyền mà hành chánh về phần chánh trị của Đạo, song đừng thế mặt cho Đâu Sư, đương buổi Người cảm quyền Giáo Tông của Lão.

Điều thứ ba: Mọi việc chi thuộc về quyền chánh trị, đều giao cho Chánh Phối Sư.

Điều thứ tư: Chánh Phối Sư đừng trọn quyền thông công cùng chánh phủ và nhơn sanh; nhưng buộc phải có Hội Viên Nhơn Sanh và Hội Thánh chăm nom cơ hành động.

Cuối năm 1930 (Canh Ngọ):

Tuân lệnh Đức Cao Đài, tiền khai Nguyễn Ngọc Tương nộp đơn xin từ chức chủ quận, chuẩn bị về Tòa Thánh Tây Ninh hành đạo.

THỨ HAI 02-02-1931 (15-12 Canh Ngọ):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương ra Châu Tri số 1.

Mùa xuân 1931 (tháng 02 Tân Mùi):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương nghỉ việc đời, về Tòa Thánh Tây Ninh hành đạo. Hội Thánh cất cho tiền khai một ngôi nhà bằng cây lợp tranh, có gác, gần mặt đường (Bình Dương đạo).

THỨ BẢY 09-5-1931 (22-3 Tân Mùi):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương tự nguyện làm hai văn bản giao cho Hội Thánh giữ làm bằng chứng.

Trong văn bản thứ nhất, tiền khai minh xác rằng thửa đất cất Tòa Thánh tại Tây Ninh do tiền bản đạo mua, tiền khai Thượng Tương Thanh và Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh chỉ ghi tên đứng bộ⁽¹⁶⁾ thay mặt Hội Thánh.

Trong văn bản thứ hai, tiền khai minh xác rằng kể từ

⁽¹⁶⁾ *Đứng bộ*: Bộ (hay *bạ*, nói tắt từ *địa bạ* 地簿) là sổ sách ghi chép về ranh giới ruộng đất ở các làng, xã trong từng tỉnh. *Đứng bộ* là ghi họ tên người làm chủ ruộng đất trong sổ sách do làng, xã lập.

ngày 09-5-1931 là ngày tiền khai xuất gia, thì họ tên của tiền khai không còn dùng để làm sở hữu chủ tài sản tư riêng nào nữa. Từ ngày này về sau, bất kỳ tài sản chi mang tên Nguyễn Ngọc Tương thì đều là tài sản của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Hai văn bản này có chánh quyền làng Long Thành thị thực, và có công chứng tại Tòa Bộ tỉnh Tây Ninh.

THỨ BẢY 04-7-1931 (19-5 Tân Mùi):

Tại Tây Ninh, Đầu Sư Thượng Trung Nhật (Lê Văn Trung) gọi Thống Đốc Nam Kỳ văn thư số 202, thông báo đã giao tiền khai Nguyễn Ngọc Tương cầm giềng mỗi đạo (trích):

“J’ai l’honneur de vous faire connaître qu’à partir de ce jour M. NGUYỄN NGỌC TƯƠNG est chargé de la direction du Caodaïsme (...). M. NGUYỄN NGỌC TƯƠNG est chargé d’entretenir des relations avec le Gouvernement en ce qui concerne le Caodaïsme (...).”

Dịch:

Tôi hân hạnh cho Ngài hay kể từ nay ông NGUYỄN NGỌC TƯƠNG được ủy thác nhiệm vụ cầm giềng mỗi đạo Cao Đài (...). Ông NGUYỄN NGỌC TƯƠNG chịu trách nhiệm giao thiệp với chánh phủ về mọi vấn đề của đạo Cao Đài.⁽¹⁷⁾

⁽¹⁷⁾ *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương 1881-1951*. Sài Gòn: Nhà in Hòa Chánh 1958, tr. 21-22.

THỨ BA 01-9-1931 (19-7 Tân Mùi):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương gọi Thống Đốc Nam Kỳ văn thư số 284 thông báo kể từ ngày 31-8-1931, tiền khai chánh thức nhận trách nhiệm cầm giềng mỗi đạo ở Nam Kỳ (thuở ấy đạo Cao Đài chưa truyền ra Trung Kỳ và Bắc Kỳ). Số tín đồ lúc ấy được hơn ba trăm ngàn người; có sáu mươi hai thánh thất và bốn mươi ba thánh thất tạm. Văn thư này có Đầu Sư Thượng Trung Nhật (Lê Văn Trung) và Chánh Phó Sư Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang) cùng ký tên xác nhận. Trích văn thư số 284:

“J’ai l’honneur de vous faire connaître qu’en obéissant aux instructions divines, je prends effectivement aujourd’hui la direction du Caodaïsme (...) en Cochinchine.

(...)

Avec l’aide du Très-Haut, je m’efforcerai de réagir de telle façon à pouvoir bien mériter la complète confiance du Gouvernement et à étaler devant le monde la vraie figure du Caodaïsme (...).

Le jour où les Annamites, du Nord au Sud, le pratiqueront avec toute la liberté d’un culte national, le Gouvernement n’aura plus aucun souci de troubles ou de désordres quelconques, car tout vrai Caodaïste est sincèrement respectueux de l’autorité et amoureux de la paix.”

Dịch:

Tôi hân hạnh cho Ngài hay, vâng theo các thánh giáo, kể từ nay tôi chánh thức cầm giềng mỗi đạo Cao Đài ở Nam Kỳ.

(...)

Với sự ủng hộ của Đấng Tối Cao, tôi sẽ cố gắng hành động chính đôn lại như thế nào cho được xứng đáng với sự tín nhiệm hoàn toàn của Chánh Phủ, và phô bày trước mọi người chân tướng của đạo Cao Đài (...).

Ngày nào mà người Việt Nam, từ Bắc chí Nam, được giữ đạo Cao Đài với trọn quyền tự do của một Quốc Đạo, chánh phủ sẽ không còn một sự lo ngại nào về biến động hay loạn lạc nữa, vì người tín đồ Cao Đài chọn chánh rất thật tâm kính trọng chánh quyền và yêu chuộng hòa bình.⁽¹⁸⁾

THỨ BA 24-11-1931 (15-10 Tân Mùi):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương làm “*Tờ tở bày việc đạo cho Hội Nhơn Sanh nhóm lần thứ nhứt tại Tòa Thánh Tây Ninh ngày 15-10 Tân Mùi (24-11-1931)*” để trình bày về quyền làm chủ tài sản của Đạo:

“*Hội Thánh tới nay mua sắm được sở đất chín mươi sáu héc-ta để làm thánh địa, cất Tòa Thánh và các Viện, và một sở kế cận năm mươi héc-ta để cho các đạo hữu cất nhà ở và lập nghĩa địa.*”

⁽¹⁸⁾ *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 22-24.

Hai sở đất này khi mua đề tên bà Nữ Chánh Phối Sư là Lâm Thị Thanh và tên tôi là Nguyễn Ngọc Tương đứng bộ chung, thế mặt cho Đạo.

Tôi cũng có làm cho Hội Thánh cầm một cái khai chứng rằng từ ngày tôi về Tòa Thánh hành đạo sắp lên, những tài sản chi mua sắm mà đề tên tôi đứng tức là của Hội Thánh; cái tên tôi không còn dùng ngoài đời mà mua sắm đứng bộ riêng cho tôi một tài sản chi nữa hết.”⁽¹⁹⁾

ĐẦU THÁNG 3-1933 đến ĐẦU THÁNG 3-1934

(từ tháng 02 Quý Dậu đến tháng 01 Giáp Tuất):

Tại Tòa Thánh Tây Ninh liên tiếp xảy ra nhiều việc bất hòa giữa một số chức sắc lãnh đạo Hội Thánh. Đó cũng là mầm mống để sau này Đạo bị phân hóa thành các chi phái.

Trước tình trạng căng thẳng khó có thể giải quyết ổn thỏa, tiền khai Nguyễn Ngọc Tương chọn giải pháp rời Tòa Thánh, lui về Đất Đỏ (Bà Rịa), vào núi Kỳ Vân⁽²⁰⁾ ẩn tu.

THỨ SÁU 29-6-1934 đến THỨ HAI 02-7-1934

(18-5 Giáp Tuất đến 21-5 Giáp Tuất):

⁽¹⁹⁾ Huệ Nhân, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*. Quyển II. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2008, tr. 118. Xem thêm: Thứ Bảy 09-5-1931 (22-3 Tân Mùi), về hai văn bản giao cho Hội Thánh.

⁽²⁰⁾ Trong thời gian làm chủ quận Xuyên Mộc, tiền khai Nguyễn Ngọc Tương cất một cái am để tu dưỡng trên núi Kỳ Vân (nay thuộc xã Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Lúc đầu tên gọi là Bạch Vân Am, sau đổi là Bạch Vân Điện.

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương nhập đại tịnh, tuyệt thực.

THỨ BA 24-7-1934 (13-6 Giáp Tuất):

Thế theo nguyện vọng của nhiều chức sắc và tín đồ, nhất là Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang), tiền khai Nguyễn Ngọc Tương rời núi Kỳ Vân.

Không thể ở Tòa Thánh Tây Ninh được nữa, tiền khai lập văn phòng tại thánh thất Bình Hòa (Gia Định) và thánh thất An Hội (Bến Tre). Tiền khai ra Châu Tri số 3 thông báo sự việc cho bốn đạo (trích):

“Nay đến thời kỳ Chính Đạo, tôi phải thi hành phận sự của Thầy và Đức Lý phú thác, là lo giúp việc chấn chỉnh nền Đạo và việc giáo dục nhơn sanh. Cũng vì từ ngày Anh Cả ra mạng lệnh số 21 và Phổ Cáo Chúng Sanh ngày 04-02-1934, làm cho sự hòa bình tan rã, nên cực chẳng đã tôi phải tạm ở đỡ nơi thánh thất Bình Hòa (Gia Định) và An Hội (Bến Tre) mà giúp Thầy chỉnh Đạo. Chừng nào có lệnh Thầy dạy, tôi sẽ trở về Tòa Thánh Tây Ninh mà chung lo quy hiệp.

(...) Xin chư hiền hữu may được Thần Thánh bố hóa nơi tâm thì hãy vui hiệp với ông Quyền Ngọc Đầu Sư và tôi mà lo giúp Thầy chỉnh Đạo. (...)

Tiếp được Châu Tri này và các Châu Tri sẽ gửi đến nữa, xin chư hiền hữu vui lòng truyền lại cho hết thầy trong đạo hữu rõ biết.” ⁽²¹⁾

⁽²¹⁾ Châu Tri Chính Đạo 1934-1936, tr. 1-2.

THỨ SÁU 27-7-1934 (16-6 Giáp Tuất):

Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) và Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang) ra Châu Tri số 4, thông báo việc lập *Chương Trình Chính Đạo*, gồm sáu điều khoản. Về *Ban Chính Đạo*, có đoạn viết:

Điều thứ năm: Sẽ có một Ban Chính Đạo để bàn tính với hai vị Quyền Đầu Sư các việc đạo trước khi thi hành. Ban này của các họ đạo hiệp nhau chọn cử trong hàng chức sắc hay là đạo hữu có đạo đức và trí thức, nhất là để lo chấn chỉnh nét tu, khép trọn vào khuôn hạnh, gom hiền góp đức mà làm cho ra vẻ đạo thành.

Điều thứ sáu: Những chức sắc và đạo hữu lương phái xem Chương Trình này rồi, vui lòng thuận theo thì hãy đến trước Thiên Bàn trong một thời cúng, nguyện với Thầy làm y như vậy, rồi cứ lo thật hành theo đó. Chừng nào có người của chúng tôi phái đến các họ đạo, thì được hỏi thêm cho rõ, rồi tỏ sự quyết định của mình.

Hiện nay chúng tôi tạm ở nơi thánh thất Bình Hòa (Gia Định) và thánh thất An Hội (Bến Tre) mà lo phận sự giúp Thầy chỉnh Đạo cho đến thành. Rồi tới ngày giờ Thầy định, sẽ về Tòa Thánh Tây Ninh mà chung lo quy hiệp với những người chơn chánh.” ⁽²²⁾

THỨ TƯ 26-9-1934 (18-8 Giáp Tuất):

⁽²²⁾ Châu Tri Chính Đạo 1934-1936, tr. 3-4.

Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) và Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang) ra Châu Tri số 5, khuyên trong các họ đạo nếu đã nhìn nhận chung lo việc chỉnh Đạo, thì cử một phái viên cho mỗi họ đạo, để về họp đại hội công cử ra Ban Chính Đạo tại thánh thất An Hội (Bến Tre). Châu Tri này quy định năm điều khoản để hướng dẫn sắp đặt Ban Hành Thiện tại mỗi làng. Ban Hành Thiện lo giúp đỡ bốn đạo trong các việc như tật bệnh, tai nạn, quan hôn tang tế, lập lễ nhạc và ban đồng nhi, tạo thuyền bát nhã, lập nghĩa địa, v.v...⁽²³⁾

THỨ BA 20-11-1934 (14-10 Giáp Tuất):

Đại hội công cử Ban Chính Đạo được tổ chức tại thánh thất An Hội. Có tám mươi lăm phái viên thay mặt cho tám mươi lăm họ đạo trong mười tám tỉnh miền Nam. Tổng số tham dự khoảng một ngàn ba trăm người. Đại hội tán thành Chương Trình Chính Đạo.

Phái viên của mười tám tỉnh công cử một Ban Chính Đạo như sau:

[1] Bạc Liêu: Ông Phạm Văn Sở, nghiệp chủ (Thới Bình). [2] Bà Rịa: Ông Ngô Văn Quyền, Chánh Trị Sự (Phước Thọ). [3] Bến Tre: Ông Lê Háo Học, Giáo Hữu (Đại Điền); ông Lê Tam Tinh, Thông Sự (Thanh Ngãi). [4] Biên Hòa: Ông Mai Văn Thanh, Chánh Hội Trưởng (An

Thành). [5] Cần Thơ: Ông Trần Văn Nhân, nghiệp chủ (Phong Thạnh). [6] Châu Đốc: Ông Phan Duy Cai, giáo viên (Phú Lâm). [7] Chợ Lớn: Ông Nguyễn Văn Chất, cựu Hội Đồng (Tân Kim); ông Nguyễn Duy Thuần, Chánh Thủ Bồn (Tân Lâm). [8] Gia Định: Ông Ngọc Kinh Thanh, Giáo Sư (An Hội); ông Thượng Bộ Thanh, Giáo Hữu (Thuận Kiều). [9] Gò Công: Ông Nguyễn Tuấn May, Chánh Từ Hàn (Tân Niên Trung). [10] Long Xuyên: Ông Lê Văn Thơ, nghiệp chủ (Tân Thạnh). [11] Mỹ Tho: Ông Phạm Hữu Hạnh, Chánh Bái (Giao Hòa). [12] Rạch Giá: Ông Huỳnh Tấn Đức, nghiệp chủ (Hỏa Lựu). [13] Sa Đéc: Ông Lê Minh Phong, Chánh Quản Lý Học Viện (Kim Bửu). [14] Sóc Trăng: Ông Lê Văn Yên, Chánh Trị Sự (An Thạnh Nhì). [15] Tân An: Ông Nguyễn Văn Lưu, chủ thánh thất Bình Quới. [16] Tây Ninh: Ông Phạm Văn Ngọ, Sĩ Tài (Thái Bình Thánh Địa). [17] Trà Vinh: Ông Phạm Trung Đô, Đầu Quận Đạo (Đa Lộc). [18] Vĩnh Long: Ông Nguyễn Văn Lưu, nghiệp chủ (Sơn Định).⁽²⁴⁾

Đại hội ủy nhiệm cho Ban Chính Đạo hiệp với hai vị Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) và Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang) hành đạo cho đến ngày quy hiệp về Tây Ninh. Ban Chính Đạo quyết định sẽ mở một lớp hạnh đường dạy chức sắc, chức việc tại thánh thất Bình Hòa (Gia Định) và thánh thất An Hội (Bến Tre); sẽ soạn một cuốn lễ bốn về quan hôn tang tế tạm dùng trong Đạo.

⁽²³⁾ *Châu Tri Chính Đạo 1934-1936*, tr. 4-6.

⁽²⁴⁾ *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 41-42.

Ban Chính Đạo vừa thành lập buổi sáng, chiều họp tiếp thì nhận được điện tín từ Tòa Thánh Tây Ninh báo tin Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung (1876-1934) đã quy thiên.⁽²⁵⁾ Tiên khai Nguyễn Ngọc Tương xin đại hội dành năm phút tĩnh tâm tưởng niệm người Anh Cả đã dày công buổi khai Đạo, và khuyên các họ đạo cầu nguyện, để tang cho Anh Cả. Sau đó, hai tiên khai Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang cấp tốc trở về Tòa Thánh Tây Ninh dự lễ tang. Tuy nhiên, không được cho vào dự lễ, hai vị tiên khai “*cũng ở nhà ngoài cho đến mãn cuộc*”.⁽²⁶⁾

THỨ TƯ 05-12-1934 (29-10 Giáp Tuất):

Tiên khai Nguyễn Ngọc Tương ra Châu Tri số 7 cho biết rằng sau khi Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung quy thiên, việc hòa hiệp với Tòa Thánh Tây Ninh vẫn chưa đạt được. Do đó, tiên khai cùng với Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang) còn phải tạm ở thánh thất Bình Hòa và thánh thất An Hội để lo chấn chỉnh nền Đạo. Tiên khai khuyên các họ đạo mau sắp đặt cho xong Ban Hành Thiện, rồi đi cầu an và tụng kinh tại mỗi nhà đạo hữu, cầu nguyện cho nền Đạo sớm được an bình trở lại.⁽²⁷⁾

⁽²⁵⁾ Nhiều sách thường viết “*Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt*”. Giáo Tông đứng đầu cả ba phái, phẩm phục toàn trắng; vậy, có nên gọi Ngài là Thượng Trung Nhựt như khi còn làm Đầu Sư phái Thượng với phẩm phục màu xanh dương?

⁽²⁶⁾ Châu Tri số 8, trong *Châu Tri Chính Đạo 1934-1936*, tr. 13.

⁽²⁷⁾ *Châu Tri Chính Đạo 1934-1936*, tr. 12-13.

THỨ BẢY 15-12-1934 (09-11 Giáp Tuất):

Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) cùng Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang) và Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu đồng ký tên Châu Tri số 8, mời họp đại hội tại thánh thất An Hội (Bến Tre):

“Nền Đạo chính nghiêm rắc rối mấy năm nay, trong chư hiền hữu ai cũng hiểu ít nhiều duyên cớ bởi tại đâu mà sanh ra.

(...)

Bởi thấy việc rất quan hệ, nên chúng tôi phải mời hết chức sắc Thiên phong lương phái từ Lễ Sanh sắp lên, đến nhóm tạm nơi thất An Hội (Bến Tre) 8 giờ sớm mai ngày 24 Décembre 1934 (18 tháng 11 An Nam) mà chung lo việc chấn chỉnh nền Đạo lại thế nào cho trên thuận lòng Trời, dưới hòa sanh chúng, thì cái ngày thành đạo đắc quả mới mong thấy được.

(...)

Xin chư hiền hữu hãy ráng đến nhóm cho đông mới có đủ tinh thần năng lực mà định đoạt việc lớn lao này, đừng tỏ lòng thiết thương Thầy mến Đạo.”⁽²⁸⁾

THỨ HAI 24-12-1934 (18-11 Giáp Tuất):

Đại hội họp buổi sáng (8-11 giờ), chiều họp lại (15-17 giờ 30). Có mặt các tiên khai: Quyền Đầu Sư Thượng

⁽²⁸⁾ *Châu Tri Chính Đạo 1934-1936*, tr. 13-14.

Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương), Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang), Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu, bảy Giáo Sư, hai mươi bảy Giáo Hữu, bốn mươi Lễ Sanh. Phái nữ có ba Giáo Sư, một Giáo Hữu và ba Lễ Sanh.

Đại hội công cử Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang) làm Thượng Chương Pháp; cử ra Quyền Chánh Phối Sư ba phái,⁽²⁹⁾ lập Bàn Cử Viện,⁽³⁰⁾ cử một vị làm đầu phái nữ.⁽³¹⁾ Sau cùng đại hội ấn định sẽ họp Hội Vạn Linh từ Thứ Hai 11-02-1935 đến Thứ Năm 14-02-1935 (08-01 Ất Hợi đến 11-01 Ất Hợi).⁽³²⁾

THỨ BẢY 29-12-1934 (23-11 Giáp Tuất):

Từ thánh thất Bình Hòa, tiền khai Nguyễn Ngọc Tương gọi Châu Tri số 9, nhắc lại lời mời họp Hội Vạn Linh từ Thứ Hai 11-02-1935 đến Thứ Năm 14-02-1935 (08-01 Ất Hợi đến 11-01 Ất Hợi) tại thánh thất An Hội (Bến Tre) với hai mục đích: (a) Chọn trong hàng Chương Pháp hay Đầu

⁽²⁹⁾ Ba vị được cử lên Quyền Chánh Phối Sư là Ngọc Giáo Sư Nguyễn Văn Kinh, Thượng Giáo Sư Nguyễn Văn Lai, và Thái Giáo Sư Nguyễn Quang Minh.

⁽³⁰⁾ *Bàn* (động từ): Bàn luận, thảo luận. *Bàn* (danh từ): Cùng nghĩa như *ban* (board), *ủy ban* (committee) hiện nay.

⁽³¹⁾ Vị làm đầu phái nữ được cử là Giáo Sư Hương Tám (Mỏ Cày). Nhưng ngày Thứ Ba 05-02-1935 Giáo Sư Hương Tám gửi thư về Tòa Thánh Tây Ninh, xác định không tham gia Ban Chính Đạo.

⁽³²⁾ *Châu Tri Chính Đạo 1934-1936*, tr. 18-21.

Sư một vị để cầm giềng mối Đạo; (b) Quyết định việc trở về Tòa Thánh Tây Ninh.⁽³³⁾

1935 (Ất Hợi):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương cho khởi công tu tạo thánh thất An Hội.⁽³⁴⁾

Thiên Lý Mật Truyền được cất tạm trên nóc Thiên Phong Đường. (Cuối năm 1939 Thiên Lý Mật Truyền được dời về nơi cất Tịnh xá, trong vườn Trước Hoa Kỳ Thọ.)

Hội Thánh phê chuẩn, ban hành quyển *Lễ Nghi Niêm Thức - Hôn Nhơn Tang Tế*, dày 43 trang (12x15,5cm, nhà in Xưa Nay, Sài Gòn).

⁽³³⁾ *Châu Tri Chính Đạo 1934-1936*, tr. 22.

⁽³⁴⁾ Làng An Hội xưa có ngôi thánh thất đầu tiên đặt tại nhà tiền bối huyện hàm Nguyễn Dư Hoài (1868-1930). Bấy giờ đạo Cao Đài chưa chia chi phái. Sau khi tiền bối Nguyễn Dư Hoài quy thiên, thánh thất ấy không còn. Khu đất đó hiện nay đối diện nhà thờ Tin Lành, góc Nguyễn Đình Chiểu và Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Bến Tre.

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương cho cất trên đất nhà một thánh thất nhỏ (cột bằng cây dừa lão, lợp ngói, nền lót gạch tàu), là thánh thất An Hội. Khi cho tu tạo thánh thất An Hội (1935), đồ từ khí và các thứ được gửi tạm tại nhà riêng ông Võ Văn Lý (1878-1953) là nhà sàn đối diện nhà tu trung thừa nữ (nhà tu nay ở số 189 Trương Định, phường 6, thành phố Bến Tre). Thánh thất An Hội lạc thành ngày Chủ Nhật 16-5-1937 (07-4 Đinh Sửu).

Xem: Huệ Nhẫn, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*. Quyển II, tr. 400.

THỨ BẢY 05-01-1935 đến THỨ TƯ 06-02-1935

(01-12 Giáp Tuất đến 03-01 Ất Hợi):

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương nhập đại tịnh, tuyệt thực, cầu phước cho nhân sanh đầu năm mới.

THỨ HAI 11-02-1935 đến THỨ NĂM 14-02-1935

(08-01 Ất Hợi đến 11-01 Ất Hợi):

Lúc 8 giờ sáng, Hội Vạn Linh khai mạc tại thánh thất An Hội, có tám mươi tám họ đạo trong hai mươi tỉnh tham dự. Chương Pháp Thượng Trang Thanh (Lê Bá Trang)⁽³⁵⁾ chủ tọa, đã trình bày trước Hội:

“Sở dĩ gọi Hội Vạn Linh là vì Hội này gồm toàn các phần tử trong Đạo, từ chức sắc đại Thiên phong cho đến tín đồ. Ấy là hội lớn hơn hết trong Đạo vì Hội Vạn Linh gồm cả ba: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh, và Thượng Hội.

Quyền của Hội Vạn Linh tự nhiên phải lớn hơn các quyền trong Đạo. Thánh giáo có dạy rằng quyền vạn linh đối với quyền của Đức Chí Tôn. Vạn linh nhất định tức là Đức Chí Tôn nhất định vậy, vì nhơn tâm tức Thiên ý.

Hội Vạn Linh để định đoạt những việc tối trọng của Đạo, mà không hội nào khác định được, ví dụ như việc chọn cử người cầm giềng mối Đạo.

⁽³⁵⁾ Ngoài cách gọi phẩm vị và thánh danh như trên, ở trang 31 và nhiều trang khác trong *Châu Tri Chính Đạo 1934-1936* (in tại nhà in Hòa Chánh, Sài Gòn 1954), còn thấy tiền khai ký tên là *Thượng Chương Pháp Lê Bá Trang*. Cách này gọn hơn.

Vì sao mà có nhóm Hội Vạn Linh hôm nay?

Nguyên khi Anh Cả chúng ta là ông Thượng Trung Nhật quy liễu rồi, thì bên Cửu Trùng Đài khuyết vị thay thế cho Thầy mà làm chủ quyền Đại Đạo tại thế. Hễ thiếu, thì tự nhiên phải có người thay, chớ không nên để trống, vì nếu không ai làm đầu, thì làm sao mà cử động hình thể được.

Trong Hội Thánh hiện thời, những chức sắc đại Thiên phong đứng kế Anh Cả là ba vị Quyền Đầu Sư, sắp theo thứ tự thọ phong trước sau là: Thượng Trang Thanh, Ngọc Trang Thanh và Thái Thơ Thanh.

Hội mới khai Đạo tới nay, có nhiều thánh giáo của Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông cho biết trước phận sự của ông Thượng Trang Thanh ngày sau là người cầm giềng mối Đạo.

Tôi trích lục vài đoạn thánh giáo ấy ra đây cho chư hiền hữu rõ:

1. Thánh giáo năm Thìn [29-5 Mậu Thìn] ngày 16-7-1928, đàn tại quận Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa. Hộ Pháp và Thượng Phẩm phò loan. Ông Thượng Trung Nhật, Thượng Trang Thanh, Thái Thơ Thanh và Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh chứng đàn.

“Thầy các con.

(...)

Tương, con nhớ lời Thầy! Con vốn con tin của Thầy giao cho Chánh Phủ. Nhờ con mà nền Đạo mới ra lẽ chơn

chánh trước mặt Chánh Phủ và chúng sanh. Thầy để con chịu sự nhọc nhằn đau khổ, song có vậy mới đáng, vì con là Đạo, Đạo là con. Thầy rất mừng cho hạnh đức con, rất hạp cùng lý Đạo. Thầy dặn con phải ẩn nhẫn, chịu khổ hạnh cho lẽ Đạo đáng rõ ràng. Đạo nhờ con mà nên, con vì Đạo mới ra đáng mặt.

(...)

Ôi! Con yêu dấu ôi! Nếu mỗi đứa anh con đều đáng như con vậy, Đạo chưa ra đến nỗi này. Thầy nhiều phen ứa lụy! Con hiểu ý Thầy. Thầy biết bụng con, con ráng chịu. Thầy xin con đừng sầu thảm mà động đến Thầy.’

Và thánh ngôn ngày 14-8-1931, năm Mùi [01-7 Tân Mùi], đàn nơi bửu điện Tòa Thánh Tây Ninh, Hộ Pháp và Văn Pháp⁽³⁶⁾ phò loan. Ông Thượng Trung Nhật, Thượng Tương Thanh, Ngọc Trang Thanh, Thái Thơ Thanh và Hương Thanh chứng đàn.

‘Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Lý Giáo Tông.

(...)

Ngọc Trang Thanh! Kêu Thượng Tương Thanh.

(...)

Thượng Tương Thanh! Lão mừng hiền hữu đó. Lão vì Chí Tôn đã hứa, mà lo lập vị cho đáng giá, thì hiền hữu phải tận tâm mà chung lo với Lão mới phải. Ngày nay đã

hành chánh, thì cũng nên tập cho mình có đủ tư cách người cầm sanh mạng của nhơn loại.’

Cũng vì phẩm vị hiện thời của ông Thượng Tương Thanh trong Hội Thánh, và cũng vì các lời thánh giáo của Thầy và Đức Lý dạy trước đó, nên tôi có ý tỏ muốn xin trong Hội Thánh công cử ông Thượng Tương Thanh lên chấp chương nền Đạo cho thuận Thiên ý, cho hòa Luật Đạo. Nhưng ông Thượng Tương Thanh nằng nằng không dám, vì bởi Đạo đã phân rẽ nhiều chi nhiều phái; lại thánh giáo Thầy và Đức Lý dạy cũng đã lâu rồi, chưa biết nhơn sanh còn để trọn đức tin nơi đó hay chẳng.

Vả lại, sau khi an táng Anh Cả chúng ta rồi, ông Hộ Pháp lại nắm luôn quyền hành của phẩm Giáo Tông, lập Nghị Định ngày 12-12-1934 [06-11 Giáp Tuất], ký tên như vậy: ‘Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài: Hiệp Thiên và Cửu Trùng: Phạm Hộ Pháp’. Việc này trái Luật Pháp: Hiệp Thiên Đài hay⁽³⁷⁾ về phần thiêng liêng là phần hồn; Cửu Trùng Đài về phần hữu hình là phần xác. Hai Đài có quyền hành đặc biệt, không bên nào xâm lấn bên nào được. Nếu chức sắc Hiệp Thiên Đài qua lần lần hết bên Cửu Trùng Đài, thì phải bỏ trống Hiệp Thiên Đài, tức là bỏ cho hồn tan thì xác phải rã.

Vì các có đã tỏ trên đây nó rất trọng hệ cho nền Đạo, nên hai vị Quyền Đầu Sư thi hành phạt sự mình, nhóm Ban Chính Đạo rồi nhóm Hội Thánh mà bàn tính về vấn đề tối

⁽³⁶⁾ Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu.

⁽³⁷⁾ Hay: Cai quản, coi sóc.

trọng ấy. Song hai Hội này không giải quyết được, nên mới nhứt định mời nhóm Vạn Linh hôm nay...

Vì sao Hội Vạn Linh không nhóm nơi Tòa Thánh Tây Ninh, lại nhóm tại thánh thất An Hội (Bến Tre)?

Ấy là tại mấy vị chức sắc nơi Tòa Thánh Tây Ninh. Ông Thượng Trương Thanh có viết thư ngày 11 tháng Chạp (15-01-1935) xin ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc thuận tình để cho Hội Vạn Linh nhóm về Tòa Thánh, cho có thể tán thành sự hòa hiệp cho nền Đạo đặng yên. Song ông Hộ Pháp trả lời không thuận, nên ngày nay mới có nhóm tại đây.

Hội bỏ thăm tuyển cử rồi, bàn tính sắp đặt xong rồi sẽ nhứt định việc về Tòa Thánh tương không muợn gì.

Đây tôi xin nhắc lại cho chư hiền hữu nhớ rằng thánh địa ở Tây Ninh, ông Thượng Trương Thanh vẫn còn thay mặt cho Đạo đứng bộ làm chủ như trước. Không ai có quyền cản ngăn không cho Đạo theo ông về Tòa Thánh đặng.

Hội Vạn Linh này nhóm đủ phép theo Luật Đạo, vì là Hội Thánh nhóm ngày 24-12-1934, có tám mươi ba vị chức sắc Thiên phong dự hội, hiệp với hai vị Quyền Đầu Sư và hai vị chức sắc bên Hiệp Thiên Đài nhứt định mời hội. Và lại cái duyên có mời hội cũng đủ trong Châu Tri mời nhóm gọi trước cho các thánh thất và đăng vào báo trước lâu ngày, tương cũng đủ thì giờ cho toàn Đạo đâu đâu đều được hay biết hết.”⁽³⁸⁾

Thượng Chương Pháp chủ tọa cuộc bỏ phiếu, bắt đầu từ 2 giờ 30 chiều ngày 08-01 Ất Hợi, đến 6 giờ chiều ngày 10-01 Ất Hợi mới xong.⁽³⁹⁾

THỨ BA 12-02-1935 (09-01 Ất Hợi):

Hội Vạn Linh tại thánh thất An Hội lập vi bằng (biên bản) về việc Tòa Thánh Tây Ninh đòi đất thánh địa và các thánh thất. Có đoạn viết:

“Ông Hộ Pháp và bà Nữ Chánh Phối Sư có gởi thư cho ông Thượng Trương Thanh mà đòi đất Tòa Thánh mà các thánh thất của ông đứng tên.

Sau khi xét nét rồi, Hội Vạn Linh nhứt định để hết thầy tài sản của Đạo cho vị đắc cử cầm giềng mới Đạo đứng bộ làm chủ cho Đạo...”⁽⁴⁰⁾

⁽³⁸⁾ Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương, tr. 43-46.

Trong Châu Tri Chính Đạo 1934-1936, tr. 27-31, có in lại bài diễn văn khai hội dẫn trên của Thượng Chương Pháp, nhưng gọn hơn; thí dụ, không nhắc tới hai thánh giáo của Đức Cao Đài và của Đức Lý.

⁽³⁹⁾ Châu Tri Chính Đạo 1934-1936, tr. 32.

⁽⁴⁰⁾ Châu Tri Chính Đạo 1934-1936, tr. 32-33.

Giữa tháng 02-1938 (tháng 01 Mậu Dần), Tòa Thánh Tây Ninh ban hành Đạo Luật Năm Mậu Dần (gồm mười bảy điều), trong đó Điều Thứ Năm (Quan sát gia nghiệp của Đạo) quy định: “Cả sản nghiệp của Đạo do bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh và ông Nguyễn Ngọc Tương đứng bộ từ từ phải cải bộ lại cho Đức Hộ Pháp đứng tên thay mặt làm chủ cho Đạo.”

THỨ NĂM 14-02-1935 (11-01 Ất Hợi):

Lúc 8 giờ sáng, Hội Vạn Linh còn khoảng một ngàn người dự. Ban Trị Sự kiểm trong thùng được năm ngàn ba trăm năm mươi ba phiếu.⁽⁴¹⁾ Trong đó: Chương Pháp Thượng Trang Thanh (Lê Bá Trang) được hai mươi bảy phiếu; Đầu Sư Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) được năm ngàn ba trăm hai mươi sáu phiếu. (Có năm ngàn ba trăm hai mươi lăm phiếu xin về Tòa Thánh Tây Ninh hành đạo.)

Buổi chiều Hội Vạn Linh họp lại (15-18 giờ 30), còn khoảng một ngàn người dự. Chương Pháp Thượng Trang Thanh (Lê Bá Trang) công bố biên bản kiểm phiếu. Hội Vạn Linh đồng đứng dậy chào mừng Đầu Sư Thượng Tương Thanh đã đắc cử địa vị cầm giềng mối Đạo.

Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương phát biểu:

“Thưa chư vị hiền hữu lưỡng phái.

Khi mở Hội Vạn Linh, tôi vì biết mình tài sơ đức thiếu, đã có tuyên bố rằng không ra dự cử, nhưng chư hiền hữu cũng tín nhiệm bỏ thăm cho tôi đại đa số như vậy, làm cho tôi rất cảm động. Tôi xin để lời cảm tạ ơn hết thấy chư vị hiền hữu còn ở lại đây và chư vị vắng mặt.

⁽⁴¹⁾ Phân loại 5.353 phiếu có được: chức sắc nam nữ 296 phiếu; chức việc nam nữ 3.522 phiếu; phái viên 1.535 phiếu. Mỗi phái viên đại diện cho 100 đạo hữu, nên số phiếu của phái viên tương đương 153.500 phiếu. Vậy, số 5.353 phiếu trong thùng tương đương 157.318 phiếu.

Vả chẳng phận sự cầm giềng mối Đạo là rất lớn lao nếu chẳng biết chắc có Thiên lực phù trì, thì không ai dám lãnh. Lòng tín nhiệm của vạn linh đã tỏ ra rõ ràng hôm nay, tôi tin thiết là mạng lệnh của Trời định vậy. Nên tôi không dám từ nan, phải cúi đầu vâng chịu.

Chư hiền hữu đã có để lòng tin tưởng nơi tôi mà phú thác các gánh nặng nề này cho tôi, thì từ đây về sau, tôi cũng xin chư hiền hữu vừa giúp⁽⁴²⁾ cho tôi lo tròn phận sự. Còn việc về Tòa Thánh Tây Ninh, vạn linh đã bỏ thăm “về” gần trọn hết. Tôi vẫn cũng có lòng ước vọng như vậy, nhưng nghĩ lại sự về có điều trở ngại, nên phải làm sao về cho được êm ái hòa thuận.

Tôi tưởng phải nhờ hiền hữu Thượng Chương Pháp và Hội Vạn Linh ráng lo liệu giùm việc khó khăn này mới được.”

Thượng Chương Pháp tuyên bố: *“Ông Đầu Sư Thượng Tương Thanh đã nhận sự tuyển cử ông hôm nay. Ông cũng đã thuận tình về Tòa Thánh Tây Ninh. Còn lễ đăng điện cho ông tôi tính làm tại Tòa Thánh Tây Ninh có mời các chi các phái. Vậy chư hiền hữu có đồng ý kiến không?”* Mọi người đồng ý.

Hội Vạn Linh công cử ba vị Chương Pháp Thượng Trang Thanh (Lê Bá Trang), Thượng Sanh Cao Hoài Sang, và Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu về Tòa Thánh Tây Ninh

⁽⁴²⁾ *Vừa giúp:* (Tiếng Việt cổ) trợ giúp, giúp đỡ.

thương nghị việc hòa hiệp.⁽⁴³⁾

THỨ BA 19-02-1935 đến THỨ BẢY 23-02-1935

(16-01 Ất Hợi đến 20-01 Ất Hợi):

Theo nghị quyết của Hội Vạn Linh ngày Thứ Năm 14-02-1935 (11-01 Ất Hợi) ba vị Chương Pháp Thượng Trang Thanh (Lê Bá Trang), Thượng Sanh Cao Hoài Sang, và Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu hướng dẫn một phái đoàn đông đảo về Tòa Thánh Tây Ninh thương nghị việc hòa hiệp.

Chương Pháp Thượng Trang Thanh (Lê Bá Trang) gửi thư đến Phạm Hộ Pháp và các Nghị Viên trong ban Phụ Chánh, nhưng không được tiếp.

Ngày 21-02-1935 Chương Pháp Thượng Trang Thanh gửi đến Phạm Hộ Pháp thư thứ hai, cho biết đến 12 giờ trưa Thứ Bảy 23-02-1935 (20-01 Ất Hợi) thì Thượng Chương Pháp hết phận sự được ủy thác đi nghị hòa.

Thứ Bảy 23-02, lúc 10 giờ sáng, Phạm Hộ Pháp phái Tiếp Đạo Cao Đức Trọng là một Nghị Viên trong ban Phụ Chánh ra tiếp riêng Chương Pháp Thượng Trang Thanh (Lê Bá Trang). Tiếp Đạo giải thích rằng phái đoàn về đông tới bảy, tám trăm người mà không báo trước, nên không thể tiếp ở Tòa Thánh vì sợ xảy ra điều trở ngại; vậy tiếp một mình Thượng Chương Pháp cũng như tiếp cả phái đoàn; Thượng Chương Pháp được trọn quyền quyết định việc về

⁽⁴³⁾ *Châu Tri Chinh Đạo 1934-1936*, tr. 33-34.

Tòa Thánh, nhưng phải cho ban Phụ Chánh biết trước năm ngày để chuẩn bị tiếp đón.⁽⁴⁴⁾

THỨ NĂM 04-4-1935 (02-3 Ất Hợi):

Hội Thánh gửi thư mời các chức sắc từ Lễ Sanh trở lên về thánh thất An Hội (Bến Tre) dự lễ đăng điện của tiền khai Nguyễn Ngọc Tương.

THỨ NĂM 11-4-1935 (09-3 Ất Hợi):

Tại Bến Tre, Đầu Sư Thượng Trang Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) gửi Châu Tri đến các chức sắc, chức việc, và đạo hữu nam nữ:

“Từ ngày 14 tháng Giêng tới nay, gần được hai tháng rồi, Đức Thượng Chương Pháp lãnh lệnh của Hội Vạn Linh, cũng cứ hết lòng lo điều đình mãi sự hòa hiệp với Tây Ninh, nhưng kết quả cũng chưa thấy hình thấy dạng.

(...)

Vậy Đức Chương Pháp và tôi nhứt định từ đây ở nơi thánh thất An Hội (Bến Tre), lập Văn Phòng tại đó mà lo việc đạo. Chừng nào có mạng lệnh của Đại Từ Phụ dạy thì mới về Tòa Thánh Tây Ninh.”⁽⁴⁵⁾

THỨ BA 07-5-1935 (05-4 Ất Hợi):

Lập đàn cơ tại thánh thất An Hội. Chứng đàn: Chương

⁽⁴⁴⁾ *Châu Tri Chinh Đạo 1934-1936*, tr. 37-38.

⁽⁴⁵⁾ *Châu Tri Chinh Đạo 1934-1936*, tr. 39.

Pháp Thượng Trang Thanh (Lê Bá Trang) và Đầu Sư Thượng Trương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương). Phò loan: Châu, và Lê Tam Tinh (1893-1966). Đức Lý Thái Bạch Tiên Trưởng giảng, dạy Chương Pháp Thượng Trang Thanh (Lê Bá Trang) nghi thức làm lễ đăng điện như sau:

“Đúng 11 giờ 9 phút ngày mùng 7 tới đây [Thứ Năm 09-5-1935] đem hiền hữu Thượng Trương Thanh tắm gội, xông hương bách hoa, rồi trấn sau lưng **bốn** chữ Cửu Thiên Khai Hóa. Nơi nhứt khiêu [nê huòn] đề Thập Nhị Linh Thân. Hai bàn tay trấn Thần Lục Đỉnh Lục Giáp. Chơn họa phù Chiếu Linh Tiên. (...)

Mười hai giờ trưa cùng ngày mùng 7 đó, hiền hữu vào Bát Quái Đài trấn thần vào Thiên phục Giáo Tông, trấn thần Kim Quang, rồi lên Cửu Linh Điện là chỗ của em tọa vị, triệu Thập Nhị Thời Thần Vương. Trấn bốn hướng tứ phương bằng bùa Giáng Ma Xử. Kế đăng điện liền, cho Bản Đạo chia sót nhị xác thân (...).

Thượng Trương Thanh lên tọa vị. Hiền hữu Thượng Trang Thanh đọc thánh giáo về Luật của Bản Đạo giảng dạy Thượng Trương Thanh, đã đưa cho rồi đó. Đạo truyền và hai thánh giáo (các thánh giáo này đặng đem vào Thiên sử). Khi đọc rồi thì ra ngoài bàn Hộ Pháp đứng ngó vô cho ngay mặt Giáo Tông, rồi truyền lệnh như vậy:

‘Sắc lệnh cho Bảo Phong Quân [Hồ Thiện Quyện], Khai Thế [Lê Thành] Tính và Bảo Đức Chơn Quân [Nguyễn Văn Cho], các em khá dâng Luật và Pháp.’

Sáu bàn tay dâng lên Đức Giáo Tông. Dâng rồi để trên ghế, thì hiền hữu đi thẳng đến trước mặt, gần nơi ngai của Giáo Tông mà phán lời này:

‘Này là Thiên Luật, hiền hữu khá tuân theo!’

Đoạn này rồi thì Giáo Tông đứng dậy, mới cất tiếng xưng hô danh hiệu của mình. Rồi tỏ lòng thương nhân loại, nghĩa là giơ hai tay lên trên không mà nhìn trọn chư đạo hữu một giây lát. Kế động mười hai tiếng chuông, thì Giáo Tông vào Bát Quái Đài làm phép nước, rồi sắp trở về nhà Thiên Lý Mật Truyền. Ấy là xong phận.”⁽⁴⁶⁾

THỨ TƯ 08-5-1935 (06-4 Ất Hợi):

Việc thương nghị hòa hiệp với Tòa Thánh Tây Ninh không đạt kết quả mong muốn. Theo đề nghị của Chương Pháp Thượng Trang Thanh (Lê Bá Trang), lễ đăng điện được đồng thuận sẽ tổ chức tại thánh thất An Hội để tiên khai Nguyễn Ngọc Tương chánh thức nhận phẩm vị Giáo Tông.

Theo thơ mời ngày Thứ Năm 04-4-1935, các chức sắc từ Lễ Sanh trở lên về thánh thất An Hội dự lễ đăng điện của tiên khai Nguyễn Ngọc Tương. Lúc 15 giờ đã có mặt: Chương Pháp Thượng Trang Thanh (Lê Bá Trang); Đầu Sư Thượng Trương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương); Giáo Sư (năm nam, một nữ); Giáo Hữu (hai mươi nam, ba nữ); Lễ Sanh (một trăm bảy mươi nam, trong đó có một trăm bốn

⁽⁴⁶⁾ Huệ Nhẫn, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*. Quyển II, tr. 459-462.

mười bốn mới được công cử; và một trăm lẻ tám nữ, trong đó có một trăm mới được công cử.)⁽⁴⁷⁾

THỨ NĂM 09-5-1935 (07-4 Ất Hợi):

Lễ đăng điện của Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương được cử hành long trọng vào giờ Ngọ. Buổi chiều, Hội Thánh Ban Chính Đạo họp lại lúc 16 giờ 30.

THỨ SÁU 10-5-1935 (08-4 Ất Hợi):

Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo phê chuẩn Nội Luật Thánh Thất và cho phép ban hành để hướng dẫn cách tổ chức nội trị trong từng họ đạo.

THỨ BẢY 11-5-1935 (09-4 Ất Hợi):

Chương Pháp Thượng Trang Thanh (Lê Bá Trang) ra bố cáo, cho biết từ ngày 09-5-1935 (07-4 Ất Hợi) tiền khai “*đã giao quyền đạo lại cho Đức Giáo Tông*”. Trong bố cáo, tiền khai Thượng Chương Pháp dẫn lại bài “Kính Chúc Mừng” (mười sáu câu) do Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch ban cho tiền khai Nguyễn Ngọc Tương vào giờ Tý, Thứ Tư 17-4-1935 (15-3 Ất Hợi):

*Đầu cúi lạy Ôn Trên Từ Phụ
Ban phước lành nuôi dưỡng chúng sanh
Hoằng khai mới Đạo nên thành
Nay cho một đấng Thánh hành độ dân*

⁽⁴⁷⁾ *Châu Tri Chính Đạo 1934-1936*, tr. 44.

*Cầm giềng mới ra ân cứu khổ
Giải cho đời sanh khổ đặng an
Bốn phương lạc nghiệp thừa nhàn
Mừng nay đặng thấy một đàng Thánh minh
Giữa vạn vật công bình chánh trực
Giáo dẫn đời đặng thoát biển mê
Trần gian lao khổ nhiều bề
Nhờ ơn rọi đuốc dẫn về ngôi xưa
Mừng nên Đạo sớm trưa phong nhã
Vùng mây lành phủ cả càn khôn
Nương theo phép nhiệm vĩnh tồn
Mừng trong sanh chúng phước tồn ngày nay.*⁽⁴⁸⁾

THỨ HAI 05-8-1935 (07-7 Ất Hợi):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương bắt đầu đợt đại tịnh một trăm hai mươi ngày tại Thiên Lý Mật Truyền (trên nóc Thiên Phong Đường). Trong bảy ngày sau cùng, Giáo Tông tuyệt thực, mỗi ngày chỉ uống vài hớp nước.

1936 (Bính Tý):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương cho lập nhà tu thượng thừa nam, rồi mở thêm nhà tu trung thừa nữ.

THỨ SÁU 31-01-1936 (08-01 Bính Tý):

Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo họp phiên đầu tiên

⁽⁴⁸⁾ *Châu Tri Chính Đạo 1934-1936*, tr. 50.

tại thánh thất An Hội (Bến Tre).⁽⁴⁹⁾ Lúc này Hội Thánh có chín mươi sáu thánh thất (toàn đạo Cao Đài có một trăm ba mươi lăm thánh thất). Thành phần tham dự như sau:

- Hiệp Thiên Đài: Bảo Đạo, Khai Thế, Bảo Phong Quân.

- Cửu Trùng Đài: Phối Sư (6 nam, 2 nữ); Giáo Sư (31 nam, 6 nữ); Giáo Hữu (92 nam, 43 nữ); hơn 300 Lễ Sanh nam nữ dự thánh.

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương giải thích: “Vì trong Hội Thánh còn thiếu chức Đầu Sư và Chánh Phối Sư, còn mấy vị Phối Sư mới thăng thưởng thì chưa được thông thuộc, nên Anh Cả phải ngồi chủ tọa Hội Thánh kỳ này, sau có người điều đình được rồi sẽ phú thác.”⁽⁵⁰⁾

Đại hội chấp thuận một chương trình gồm mười điểm như sau: Về bốn hạng chức sắc.⁽⁵¹⁾ \ Về sự hành đạo của chức sắc.⁽⁵²⁾ \ Về công hạnh của mỗi phẩm chức sắc. \ Về sắc phục thường mặc của chức sắc, chức việc. \ Về tài chánh.⁽⁵³⁾ \ Về phước điền.⁽⁵⁴⁾ \ Về nhà tu,⁽⁵⁵⁾ hạnh

⁽⁴⁹⁾ *Châu Tri Chính Đạo 1934-1936*, tr. 59-74.

⁽⁵⁰⁾ Huệ Nhẫn, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*. Quyển II, tr. 474.

⁽⁵¹⁾ Bốn hạng là: Chức sắc hành đạo, chức sắc cưu (già yếu, lo diu dắt đàn em), chức sắc hàm phong, chức sắc tạm nghỉ (còn bận việc nhà).

⁽⁵²⁾ Quy định chức sắc đi trấn nhậm các nơi phải tích cực giải khổ cho nhơn sanh.

⁽⁵³⁾ Định mức mỗi năm: Tín đồ góp một ngày công quả, chức việc hai ngày, Lễ Sanh bốn ngày, Giáo Hữu tám ngày, Giáo Sư mười hai ngày. Một ngày công quả tương đương hai cắc.

đường,⁽⁵⁶⁾ tiểu học đường.⁽⁵⁷⁾ \ Về vệ sinh.⁽⁵⁸⁾ \ Về ban thường xuyên của Hội Thánh.⁽⁵⁹⁾ \ Về Ban Ủy Viên Kiểm Duyệt [duyệt] kinh sách để tái bản.⁽⁶⁰⁾

Tháng 11-1936 giá gạo ở Nam Kỳ tăng từ 1,3 đồng lên 2,2 đồng một giạ (20 lít). [In November 1936, the price of rice in Cochinchina rose from 1.3 piasters to 2.2 piasters per giạ (20 litres). Source: Dr. Manh Hung Le, *The Impact of World War II on the Economy of Vietnam, 1939-45*. Eastern Universities Press by Marshall Cavendish, 2004.] <https://books.google.com.vn>

⁽⁵⁴⁾ Phước điền gồm ruộng, vườn do đạo hữu hiến đất hay hiến huê lợi. Ban cai quản điều động người công quả (giúp công hay giúp vốn). Cuối năm tổng kết số thu, trích hai phần ba cho thánh thất, một phần ba chuyên cho Cửu Viện và nhà tu.

⁽⁵⁵⁾ Tại thánh thất An Hội sẽ lập hai cơ sở mẫu: nhà tu thượng thừa nam và nhà tu nữ. Dự kiến cất từ Chủ Nhật 08-3-1936 (15-02 Bính Tý), mở cửa Thứ Năm 04-6-1936 (15-4 Bính Tý).

⁽⁵⁶⁾ Mở tại thánh thất An Hội một lớp hạnh đường dạy chức sắc hiến thân cho Đạo. Dự kiến mỗi tháng mở hai đợt, mỗi đợt học bảy ngày.

⁽⁵⁷⁾ Hội Thánh sẽ lập một trường tiểu học dạy cho trẻ biết chữ, kính lễ và phận sự đồng nhi. Mỗi thánh thất phải mở lớp đồng nhi.

⁽⁵⁸⁾ Để giữ sức khỏe, hộ trợ việc tu hành, người ăn chay phải biết tận dụng sự bổ dưỡng của gạo lức và đậu nành...

⁽⁵⁹⁾ Để tiết kiệm, ba năm họp đại hội một lần. Mỗi năm chỉ nhóm ban thường xuyên [thường trực] ngày 14-10 âm lịch. Mỗi họ đạo cử một đại biểu vào ban thường xuyên.

⁽⁶⁰⁾ Gồm chín vị: Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu (vắng mặt), Bảo Sanh Quân Lê Văn Hoạch (vắng mặt), Bảo Đạo Phạm Văn Ngộ, Giáo Sư Thượng Học Thanh, Giáo Sư Thượng Trà Thanh (vắng mặt), Giáo Sư Thượng Chí Thanh, Giáo Sư

CHỦ NHẬT 12-4-1936 (21-3 Bính Tý):

Thánh thất An Hội (Bến Tre) cho xuất bản *Châu Tri Chính Đạo 1934-1936*, dày 74 trang (16x24cm), in tại nhà in Bùi Văn Nhân (Bến Tre).⁽⁶¹⁾ Gồm mười châu tri từ lúc khởi đầu Ban Chính Đạo. Sách in không có Châu Tri số 1 và số 2, bắt đầu từ Châu Tri số 3 (ngày 27-7-1934), không có số 4; kế tiếp là Châu Tri số 5 (ngày 26-9-1934), số 6 (ngày 20-11-1934), số 7 (ngày 05-12-1934), số 8 (ngày 15-12-1934), số 9 (ngày 29-12-1934), số 10 (ngày 15-01-1935). Còn có nhiều văn bản khác, và kết thúc với vi bằng (biên bản) phiên họp đầu tiên của Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo tại thánh thất An Hội (Bến Tre) vào Thứ Sáu 31-01-1936 (08-01 Bính Tý).

THỨ BẢY 13-6-1936 (24-4 Bính Tý):

Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương nhập đại tịnh tại Thiên Lý Mật Truyền (trên nóc Thiên Phong Đường). Tiền khai ăn rất ít cơm, còn dùng trái cây, uống nước dừa, sữa đậu nành, và chút ít cháo.

THỨ SÁU 17-7-1936 (29-5 Bính Tý):

Sau hơn nửa tháng bệnh nặng, Thượng Chương Pháp Lê Bá Trang quy thiên tại thánh thất An Hội. Giáo Tông

Ngọc Diêu Thanh, Giáo Hữu Thượng Núi Thanh, và Giáo Hữu Thái Vui Thanh.

⁽⁶¹⁾ Năm 1954 sách tái bản (vẫn giữ 74 trang, 16x24cm) in tại nhà in Hòa Chánh, số 16 đường Cống Quỳnh, Sài Gòn.

Nguyễn Ngọc Tương cho báo tang các nơi, trong đó có:

- Điện tín gửi Phạm Hộ Pháp:

“Avons douleur pour faire part décès notre grand frère Lê Bá Trang, survenu 17 Juillet, enterrement 21 Juillet.”

Dịch: Chúng tôi đau đớn báo tin anh lớn của chúng ta Lê Bá Trang quy thiên ngày 17-7, an táng ngày 21-7.

- Điện tín gửi Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh:

“Avons douleur vous informer décès Chương Pháp Lê Bá Trang, survenu aujourd’hui à BenTre et demandons permission d’enterrer dans propriété commune derrière Grand Temple Tây Ninh. Attendons réponse demain.”

Dịch: Chúng tôi đau đớn báo tin Chương Pháp Lê Bá Trang đã quy thiên hôm nay tại Bến Tre. Mong muốn được an táng phía sau Đền Thánh Tây Ninh. Chúng tôi chờ phúc đáp ngày mai.⁽⁶²⁾

CHỦ NHẬT 19-7-1936 (02-6 Bính Tý):

Buổi chiều, Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương nhận được hai điện tín, cùng chấp thuận việc an táng Thượng Chương Pháp Lê Bá Trang phía sau Đền Thánh ở Tây Ninh.

- Điện tín của Phạm Hộ Pháp:

“Au nom sacerdoce et au mien vous adresse

⁽⁶²⁾ *Vi Bằng Cuộc Tổng Chung Đức Thượng Chương Pháp Lê Bá Trang*, Ban tổ chức lễ tang Hội Thánh lập ngày Thứ Sáu 24-7-1936 (07-6 Bính Tý).

condoléances émues. Autorise enterrer au Saint Sièg.”

Dịch: Nhân danh Hội Thánh và cá nhân, tôi xin chia buồn sâu sắc. Được phép chôn cất ở Tòa Thánh.

- Điện tín của Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh:

“Condoléances très émues, accord pour inhumation derrière Grand Temple.”

Dịch: Xin gửi lời chia buồn sâu sắc nhất. Đồng ý được an táng phía sau Đền Thánh.⁽⁶³⁾

THỨ BA 21-7-1936 (04-6 Bính Tý):

Sau ba ngày lễ tang tại thánh thất An Hội, vào buổi sáng Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương cùng hai vị chức sắc Hiệp Thiên Đài và bốn đạo đưa liên đài Thượng Chương Pháp Lê Bá Trang về Tòa Thánh Tây Ninh.

Buổi chiều không thể làm lễ tang tại Đền Thánh, vì Tòa Thánh Tây Ninh yêu cầu tất cả mọi người khi vào Đền Thánh phải mặc tang phục, không được mặc phẩm phục chức sắc.⁽⁶⁴⁾

Khoảng 10 giờ tối, trở ngại được giải quyết: Liên đài Thượng Chương Pháp để tại nhà giảng, hôm sau làm lễ tại đây; phái đoàn đưa tang nghỉ tạm ở Học xá.

⁽⁶³⁾ *Vi Bằng Cuộc Tổng Chung Đức Thượng Chương Pháp...*

⁽⁶⁴⁾ Tòa Thánh Tây Ninh hàm ý không công nhận phẩm vị các chức sắc thuộc Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo.

THỨ NĂM 23-7-1936 (06-6 Bính Tý):

Lúc 8 giờ sáng, Phạm Hộ Pháp làm lễ tiếp dẫn đưa liên đài Thượng Chương Pháp Lê Bá Trang an táng phía sau Đền Thánh.

Buổi chiều, Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương dẫn đầu phái đoàn đến Hộ Pháp Đường chào từ biệt Phạm Hộ Pháp. Cả đoàn trở về Bến Tre trong ngày.

Sau ngày Thượng Chương Pháp Lê Bá Trang quy thiên, Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ra lệnh ngưng lập đàn, không dùng cơ bút. Từ đây Hội Thánh chỉ trọn hành theo *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, *Tân Luật*, và *Pháp Chánh Truyền* (không dùng phần chú giải của Tòa Thánh Tây Ninh).

Mọi việc đạo, Hội Thánh chung trí luận bàn trong các cuộc nhóm họp theo định lệ hằng tháng, hằng năm và trong các cuộc nhóm họp bất thường.⁽⁶⁵⁾

1937 (Đinh Sửu):

Với hoài bão truyền đạo Cao Đài ra ngoài địa giới Nam Kỳ. Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương đi Huế và Hà Nội để thăm dò tình thế trong hoàn cảnh triều đình Huế đang ngăn cấm nền tôn giáo mới. Đi theo tiền khai có thanh đồng Tô Văn Pho (1919-1998). Sau này người thanh niên ấy sẽ giữ vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng và gìn giữ thánh thất Cao Đài tại Hà Nội.

⁽⁶⁵⁾ *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 50.

CHỦ NHẬT 16-5-1937 (07-4 Đinh Sửu):

Lạc thành thánh thất An Hội sau khi hoàn tất tu tạo. Đến chúc mừng có các vị: Nguyễn Bửu Tài, Nguyễn Thế Hiền (Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên); Phan Văn Thiệu (Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo), v.v...

THỨ NĂM 08-7-1937 (01-6 Đinh Sửu):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương nhập đại tịnh tại Hiệp Thiên Đài. Tiên khai ghi lại nhật ký hành pháp rất chi tiết.⁽⁶⁶⁾

⁽⁶⁶⁾ **Nhật ký hành pháp:** 01-6 *Đinh Sửu (ĐS)*: Thượng sớm.\ 02-6 *ĐS*: Ăn ít trái cây, một bữa cháo.\ 03-6 *ĐS*: Như trên.\ 04-6 *ĐS*: Ăn hai trái xoài.\ 05 đến 08-6 *ĐS*: Như trên.\ 09 và 10-6 *ĐS*: Ăn năm trái táo khô.\ 11-6 *ĐS*: Như trên.\ 12 đến 14-6 *ĐS*: Ăn mười trái táo.\ 15-6 *ĐS*: Uống nước dừa.\ 16-6 *ĐS*: Uống hai ly sữa đậu nành.\ 17 đến 23-6 *ĐS*: Tu khá lên, uống hai ly sữa.\ 24 đến 30-6 *ĐS*: Tu khá lên, thôi uống sữa, uống hai ly nước dừa trong sáu ngày thiệt nhẹ, học nhiều hay lạ.\ 01 và 02-7 *ĐS*: Như trên.\ 03-7 *ĐS*: Bà bạn mất [Bùi Thị Giàu].\ 04-7 *ĐS*: Vì đám tang phóng tâm, phải uống sữa đậu nành lại mới chịu nổi.\ 09-7 *ĐS*: Hết phóng tâm, ngồi được mười giờ.\ 10-7 *ĐS*: Tâu, khử trực.\ 11 và 12-7 *ĐS*: Tu khá luôn.\ 16 và 17-7 *ĐS*: Không uống sữa, có ân điển mát mẻ khởi sự lên hai bắp vế.\ 18-7 *ĐS*: Uống sữa lại, khởi sự lên thượng tiêu [miệng trên dạ dày].\ 19-7 *ĐS*: 3 giờ khuya có cho biết phải tu thêm nữa.\ 20-7 *ĐS*: Khởi sự nhớ lại các việc từ nhỏ tới lớn.\ 29 và 30-7 *ĐS*: Không ăn uống.\ 01-8 *ĐS*: Không ăn, không uống, không nằm, không ngủ, cho tới xuất hồn.\ 02-8 *ĐS*: Có Đức Lý đến khai khiếu định ngày xuất thân về châu Thầy.\ 04-8 *ĐS*: Bị động, hai con sợ chết, động cửa, phải viết giấy cho biết.\ 05-8

CHỦ NHẬT 08-8-1937 (03-7 Đinh Sửu):

Người phối ngẫu của tiên khai Nguyễn Ngọc Tương là bà Bùi Thị Giàu (sinh năm 1884) tạ thế.

1938 (Mậu Dần):

Suốt năm này Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương đi thăm các thánh thất, làm phép đại xá, giải khổ cho từng nơi. Tiên khai giảng giải:

- Mỗi người đều mang nặng nhiều nghiệp chướng tội tình, nên khó dứt mà tu được. Ai được hưởng phép đại xá rồi thì các nghiệp cũ đã dứt, có thể tu hành đắc đạo được.

- Ngoài các nghiệp cũ lỗi xưa, mỗi người còn vương mang lấy khổ trần, do lòng ham muốn dục vọng chiêu tập vào, khó giải thoát được. Phép giải khổ là cách Ôn Trên hộ trợ điển lành, giúp người tu có đủ đức tin sẽ nương theo phép giải khổ ấy mà tự mình lần lần giải được các khổ trần.

Trong hai năm 1938-1939, tiên khai phái nhiều chức sắc ra phổ độ ở hai miền Trung và Bắc. Ở miền Trung, mở được hai mươi lăm thánh thất với số tín đồ khoảng năm

ĐS: Vì phóng tâm, tiếp điển bị đứt đoạn.\ 06-8 *ĐS*: Phải uống sữa đậu nành, vì quá yếu sức gần liệt.\ 07-8 *ĐS*: Ăn cháo, trái cây cho khỏe lại.\ 08-8 *ĐS*: Ăn cháo.\ 09-8 *ĐS*: Tâu, ăn cháo, điển thường.\ 11 tới 13-8 *ĐS*: Không ăn, uống, giờ chót có điển xả cho nghỉ.\ 14-8 *ĐS*: Ra thiền định. (Xem: *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 57-58.)

ngàn người. Ở miền Bắc, lập được thánh thất tại Hà Nội.⁽⁶⁷⁾

THỨ BẢY 15-01-1938 (14-12 Đinh Sửu):

Thành lập ban tổ chức chuẩn bị cho Lễ Thành Đạo, bao gồm đại diện Ban Cửu Viện: *Chánh, Phó Nội Viện Trưởng: Giáo Sư Thượng Trờ Thanh, Giáo Sư Ngọc Thóa Thanh. Công Viện Trưởng: Giáo Sư Thượng Trọng Thanh. Chánh, Phó Lễ Viện Trưởng: Giáo Sư Thượng Thân Thanh, Giáo Sư Thượng Hộ Thanh. Chánh, Phó Hộ Viện Trưởng: Nữ Giáo Sư Hương Phụng, Giáo Sư Ngọc Khánh Thanh.*

Ban tổ chức soạn xong chương trình chi tiết cho Lễ Thành Đạo, kéo dài từ Thứ Hai 07-02-1938 đến Thứ Hai 14-02-1938 (08-01 Mậu Dần đến 15-01 Mậu Dần). Chương trình được các vị Quyền Chánh Phối Sư Thái Cậy Thanh, Thượng Lai Thanh và Giáo Sư Ngọc Diệu Thanh (thay thế Quyền Ngọc Chánh Phối Sư Thái Minh Thanh đang bệnh) kiểm duyệt.

THỨ HAI 07-02-1938 đến THỨ HAI 14-02-1938

(08-01 Mậu Dần đến 15-01 Mậu Dần):

Lễ Thành Đạo được cử hành long trọng tại thánh thất An Hội.⁽⁶⁸⁾ Mặc dù đã xác định “*Đại Lễ có ý nghĩa chấm dứt*

⁽⁶⁷⁾ *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 54.

⁽⁶⁸⁾ Tóm tắt chương trình Lễ Thành Đạo (còn gọi “*lễ ăn mừng Cơ Chính Đạo đã được lập thành*”:

Thứ Hai 07-02-1938 (08-01 Mậu Dần): 08-10 giờ: Ban Tổ Chức đến Tòa Thánh nhận nhiệm vụ. 15-20 giờ: Cúng khai

nhiệm vụ Chính Đạo và các chi phái cũng đã rời phạm sự. Từ nay, chỉ có Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để hướng dẫn nhơn sanh tu hành đúng theo chơn truyền và Tân Pháp Đức Chí Tôn.”⁽⁶⁹⁾ nhưng thực ra sau Lễ Thành Đạo, Hội Thánh vẫn giữ danh xưng Ban Chính Đạo.

hội. 21-22 giờ: Thuyết đạo, đề tài “Cơ Khai Đạo, Chính Đạo, Và Thành Đạo”.

Thứ Ba 08-02-1938 (09-01 MD): *Giờ Tý*: Cúng đại lễ. 05-10 giờ 30: Thuyết đạo, đề tài “Luân Chuyển Đại Hội Long Hoa”. *Buổi chiều*: Tiếp thánh lệnh đại xá. *Buổi tối*: Mở Văn Minh Điện.

Thứ Tư 09-02-1938 (10-01 MD): *Buổi sáng*: Hội Thánh tiếp các chi phái. *Buổi chiều*: Đức Giáo Tông ban đại xá. 20-23 giờ: Thuyết đạo, đề tài “Tái Tạo, Tò Dấu Thương Đờì”.

Thứ Năm 10-02-1938 (11-01 MD): *Giờ Tý*: Cúng đại lễ. *Buổi sáng*: Thuyết đạo, đề tài “Thọ Khổ, Nhắc Lại Công Đức Ngài Cao Thượng Phẩm”. 15-17 giờ 30: Thuyết đạo, đề tài “Giải Khổ, Nhắc Lại Công Đức Ngài Lê Bá Trang”.

Thứ Sáu 11-02-1938 (12-01 MD): *Giờ Tý*: Cúng đại lễ. *Buổi sáng*: Thuyết đạo. *Buổi chiều*: Ban phép đại xá.

Thứ Bảy 12-02-1938 và Chủ Nhật 13-02-1938 (13-01 MD và 14-01 MD): Như ngày 11-02-1938.

Thứ Hai 14-02-1938 (15-01 MD): *Giờ Tý*: Cúng đại lễ thượng nguồn. 07-09 giờ: Thuyết đạo tại bửu điện, đề tài “Tân Pháp Chí Tôn”. 09-11 giờ: Giáo Tông định công chấm quả các vị hiện diện (số vắng mặt sẽ chấm công sau). *Giờ Ngọ*: Cúng đại lễ. 14-17 giờ: Nổi trống nơi Tây Thiên Đài, trở nhạc chúc mừng, Ban Trị Sự xướng danh từng vị được chấm công. Hội Thánh cảm tạ, phát giấy khen lưu niệm. Bế mạc. (Xem: Huệ Nhẫn, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*. Quyển II, tr. 483-486.)

⁽⁶⁹⁾ *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 53.

Giữa tháng 02-1938 (giữa tháng 01 Mậu Dần):

Tòa Thánh Tây Ninh ban hành *Đạo Luật Năm Mậu Dần* (gồm mười bảy điều). Điều Thứ Năm (Quan sát gia nghiệp của Đạo) quy định: “*Cả sản nghiệp của Đạo do bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh và ông Nguyễn Ngọc Tương đứng bộ từ thử phải cải bộ lại cho Đức Hộ Pháp đứng tên thay mặt làm chủ cho Đạo.*”

1939 (Kỷ Mão):

Từ năm này trở về sau, trong nhiều văn bản, Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương khuyên nhủ môn đạo vào mỗi thời cúng, phải để tâm thành cầu nguyện cho nhơn sanh được mau thoát nghiệp vay trả tương tàn; phải tụng *Kinh Sám Hối, Kinh Cứu Khổ* càng nhiều càng tốt. Tiền khai luôn luôn nhắc môn đạo chỉ siêng lo tu hành cầu nguyện, chớ nên vương vào việc quốc sự (chánh trị).

CHỦ NHẬT 19-02-1939 đến THỨ SÁU 17-3-1939

(01-01 Kỷ Mão đến 27-01 Kỷ Mão):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương nhập đại tịnh.⁽⁷⁰⁾

THỨ BẢY 01-7-1939 đến THỨ SÁU 07-7-1939

(15-5 Kỷ Mão đến 21-5 Kỷ Mão):

⁽⁷⁰⁾ **Nhật ký hành pháp:** 01 đến 03-01 Kỷ Mùi (KM): Nhịn ăn ba ngày đại tịnh, thêm sáng, trực tiếp thêm dễ.\ 16-01 KM: Tu chạy khá lắm.\ 22-01 KM: Khởi sự ăn lại một bữa cơm. (*Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 58.)

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương nhập đại tịnh.⁽⁷¹⁾

Cuối năm 1939 (Kỷ Mão):

Dời Thiên Lý Mật Truyền về nơi cát Tịnh Xá trong vườn Trước Hoa Kỳ Thọ.⁽⁷²⁾

THỨ TƯ 24-01-1940 (16-12 Kỷ Mão):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ra Châu Tri số 395 để chúc xuân môn đạo năm Canh Thìn. Có đoạn viết: “... *những mảng găng lo việc cả của Đạo nhứt là việc kiến trúc các cơ quan cho kịp thì Thiên ý định, mà Tệ Huỳnh quên*

⁽⁷¹⁾ **Nhật ký hành pháp:** 15-5 Kỷ Mão (KM): Nhập tịnh không ăn.\ 19-5 KM: Ngồi luôn suốt ngày đêm.\ 21-5 KM: Ra tịnh, rõ biết thêm việc đạo. (*Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 58.)

⁽⁷²⁾ Tại cửa ngõ Trước Hoa Kỳ Thọ, tiền khai Nguyễn Ngọc Tương để đôi liễn: *Trước Hoa truyền Đại Đạo chơn thành đắc quả nhơn sanh độ.\ Kỳ Thọ xuất huyền vi Thánh Đức tận thông thái cực thâm.*

Thiên Lý Mật Truyền là nơi tiền khai nhập đại tịnh (năm 1935 được cất tạm trên nóc Thiên Phong Đường). Phòng tịnh vuông vức (3x3m) trên lầu ba. Trong phòng vờn vện một bàn thờ Đức Chí Tôn, một ghế ngồi tịnh, và một cái “đơn” để nằm nghỉ. Khi vệ sinh cá nhân, tiền khai đi xuống tầng lầu giữa. Thiên Lý Mật Truyền để đôi liễn: *Bảo mạng tùy nguồn hành chánh pháp.\ Thiên khai Đại Đạo thủ chơn truyền.*

Phía sau Thiên Lý Mật Truyền là Tịnh Xá cho người tu bậc thượng thừa đến thọ pháp và thiền định.

Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương, tr. 62.

mệt quên già. Hôm nay Đạo đã đến tuổi mười lăm, được có huệ quang chánh kiến; còn Tệ Huynh cũng tới lục tuần nhĩ thuận rồi, mong gặp thấy sự quy nhứt tán thành...” ⁽⁷³⁾

THỨ SÁU 02-02-1940 đến THỨ BẢY 04-5-1940

(25-12 Kỷ Mão đến 27-3 Canh Thìn):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương nhập đại tịnh. Có những ngày ngồi luôn từ giờ Tý đến giờ Dậu.

THỨ NĂM 15-02-1940 (08-01 Canh Thìn):

Khánh thành Tịnh Xá.

THỨ BA 14-5-1940 (08-4 Canh Thìn):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương mở khóa tịnh đầu tiên tại Tịnh Xá vừa khánh thành ngày 15-02-1940 (08-01 Canh Thìn). Giáo Tông đích thân truyền pháp tu.

THỨ SÁU 15-11-1940 đến THỨ SÁU 20-12-1940

(16-10 Canh Thìn đến 22-11 Canh Thìn):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương nhập đại tịnh. Mỗi ngày dùng một bữa. Có những ngày không ăn.

1941 (Tân Ty):

Nhà tu trung thừa nữ được dời về khoảng đất rộng rãi. ⁽⁷⁴⁾
Trước kia tạm cất gàn phòng trừ thánh thất An Hội.

⁽⁷³⁾ *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 54.

⁽⁷⁴⁾ Nay ở ấp Bình Thắng, phường 6, thành phố Bến Tre.

THỨ TƯ 22-01-1941 (25-12 Canh Thìn):

Do lỗi hai chức việc tại họ đạo Hiệp Thạnh (Tây Ninh), lại bị vu cáo về chánh trị, tiền khai Nguyễn Ngọc Tương bị tòa án xử phạt mười tám tháng tù. Sau khi chống án, ngày Thứ Ba 08-4-1941 (12-3 Tân Ty) tiền khai được tòa xử lại, đổi ra sáu tháng tù treo.

THỨ NĂM 10-4-1941 (14-3 Tân Ty):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ra Châu Tri số 418, nhắc tới việc phải ra hầu tòa hai lần (22-01 và 08-4-1941):

“Tệ Huynh không buồn cũng không phiền những người vu cáo ám hại. Tệ Huynh tin chắc chi chi cũng có Thầy biết cả. Nơi tòa trên mà không nhìn nhận được sự chắc thiết, sự trung thành và sự vô tội của Tệ Huynh trong vụ này, cũng bởi có Thiêng Liêng để vậy, mới tạo ra được một cái hàm oan cho Tệ Huynh phải chịu, hầu thử lòng các em trong buổi này, đặng lựa lọc người tâm thành bền vững có hạnh đức, xứng đáng đệ tử của Thầy, em của Tệ Huynh. Nói rõ là những em nào thiết tu hành, thiết tin Tệ Huynh, rõ biết Tệ Huynh phải chịu nạn, để gánh bớt tội lỗi cho các em mà tỏ lòng thêm mến thương khắng khít, thì em ấy sẽ được vững chắc mà đi trên con đường đạo đức đến nơi kết quả. Trái lại, những em nào không dốc chí tu hành, không đủ đức tin nơi Thầy, nơi Đạo, và nơi Tệ Huynh, mới thấy khó nản lòng trở bước, đã lơ lảng Đạo Thầy, thì phải mắc kế của quỷ vương, rồi có thể bị lôi kéo ra khỏi Đạo...” ⁽⁷⁵⁾

⁽⁷⁵⁾ *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 55.

1942 (Nhâm Ngọ):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương phái nhiều Ban Minh Đạo đi thăm viếng các thánh thất. Tiên khai giải thích:

“Minh là tỏ rạng, làm cho sáng rõ. Đạo là nói về sự hành đạo của mỗi chức sắc và sự giữ đạo của mỗi tín đồ.

Đi minh đạo là đến nơi nào còn khuyết điểm để khêu đuốc huệ, rọi đường tu, chỉ thêm rõ phân sự cho mỗi chức sắc và dạy tín đồ cho rõ thêm luật Đạo và cách tu hành, nâng đỡ đức tin cho trong họ đạo được thêm vững vàng...”⁽⁷⁶⁾

THỨ NĂM 01-01-1942 đến THỨ BẢY 07-02-1942

(15-11 Tân Ty đến 22-12 Tân Ty):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương nhập đại tịnh.⁽⁷⁷⁾

THỨ HAI 06 rạng THỨ BA 07-4-1942

(21 rạng 22-02 Nhâm Ngọ):

Khoảng một tuần lễ trước ngày này, Giáo Tông Nguyễn

⁽⁷⁶⁾ *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 56.

⁽⁷⁷⁾ **Nhật ký hành pháp:** 15-11 Tân Ty (TT): Nhập thiên định, ăn uống như thường trong tuần đầu. 22-11 TT: Ăn một bữa cơm trưa, hai bữa ăn trái cây. 27-11 TT: Tu thêm lên một bực nữa, thượng số nhập đại tịnh. 12-12 TT: Đại tịnh, ngồi được khá mà còn phóng tâm. 15-12 TT: Đại tịnh, không ăn uống. 16-12 TT: Đại tịnh. 17-12 TT: Đại tịnh. 19-12 TT: Ăn một bữa cơm, một bữa cháo. 22-12 TT: Ra tịnh. (*Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 59.)

Ngọc Tương làm việc và tiếp chức sắc suốt ngày đêm. Tiên khai đi thăm các nhà tu, cơ sở đạo... Mỗi đêm tiên khai làm việc đến khuya. Luôn luôn có hai thư ký bên cạnh làm giúp việc giấy tờ.

Trước khi vào tịnh, tiên khai vừa làm việc vừa trò chuyện, chia sẻ những tâm sự trong đời hành đạo:

“*Sứ mạng của nền Đạo là cao cả, mà hiện tình rất hiếm người đảm đương. Việc đạo là tối trọng, là cả một công cuộc tái tạo và cứu khổ cho nhân loại đang bị chìm đắm trong biển khổ đầy khói lửa tang thương. Anh đã vì lòng thương mà cố gắng hết sức mình, nhưng sức người có hạn! Và lại, anh cần phải nắm cơ siêu thoát, mới thấu triệt lẽ Đạo, mới đủ huyền năng đưa thuyền Đạo đến nơi đến chốn. Bốn phận anh là về phần lý tưởng, về phần đạo pháp, chớ không phải về phần hành chánh là phận sự của **Đầu Sư**. Thế mà vì thiếu người, anh phải cam lo cả, đến những việc thường thức hằng ngày. Như vậy thiệt là một điều không may cho Đạo!*

Nhưng thôi, dầu sao, anh cũng phải vào đại tịnh. Mọi việc ở ngoài giao lại cho Hội Thánh lo; và sẽ luôn luôn có Thiên Liêng, Đức Lý ủng hộ.”

Vào giờ Tý, Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương từ già, bước lên lầu Thiên Lý Mật Truyền, vào đợt đại tịnh.⁽⁷⁸⁾

⁽⁷⁸⁾ **Nhật ký hành pháp:** 22-02 Nhâm Ngọ (NN): Nhập tịnh. 23 và 24-02 NN: Hành pháp. 25-02 NN: Đắc đạo, có gió mưa, sấm nổ. 26 đến 28-02 NN: Có mùi thơm đưa đến. 29-02 NN:

THỨ NĂM 24-9-1942 (15-8 Nhâm Ngọ):

Khánh thành nhà tu thượng thừa nữ.

THỨ BẢY 13-02-1943 (09-01 Quý Mùi):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ra Tuyên Ngôn:

“*Vì đạo Cao Đài chính mình Đức Chúa Trời khai, mới có muôn vàn Thần Thánh, Tiên Phật hạ trần giúp sức phổ thông, nên sẽ được bền bỉ đến bảy ức năm.*

“*Gặp đời này ai không vào Đạo, đời sau, rồi đời sau nữa, nếu có tái sanh trở lại trái địa cầu này, thì cũng phải vào Đạo.*”⁽⁷⁹⁾

1944 (Giáp Thân):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương cho lập nhà tu trung thừa nam. Tiền khai dạy lập nhiều đoàn chức sắc lấy tên là *Ban Truyền Tín* đi các tỉnh miền Nam để thăm viếng bôn

Hành pháp.\ 01 đến 03-3 NN: Hành pháp.\ 04-3 NN: Đắc phong vị Lý Giáo Tông, có đông mưa.\ 17-03 NN: Hành pháp.\ 25-3 NN: Được chấm đầu hoàn toàn, đi châu Thầy và các Đấng thiêng liêng.\ 27 đến 29-3 NN: Hành pháp.\ 16-5 NN: Hành pháp xuất thần.\ 18-5 NN: Xuất chơn thần về Bạch Ngọc Kinh.\ 09-6 NN: Khởi sự khử trừ.\ 17-6 NN: Khử trừ phục khí.\ 22-6 NN: Phục khí tiên thiên.\ 01-7 NN: Còn khử trừ, phục khí tiên thiên.\ 17-7 NN: Cũng còn khử trừ, phục khí tiên thiên.\ 01-8 NN: Cũng còn đem tiên thiên đổi lấy hậu thiên. (*Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 63-64.)

⁽⁷⁹⁾ *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 75.

đạo, nâng đỡ đức tin, khuyến tu và độ thêm người vào Đạo.

THỨ TƯ 21-02-1945 (09-01 Ất Dậu):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ra Tuyên Ngôn:

“*Nơi đây [tỉnh Bến Tre và hai quận An Hóa, Chợ Lách] sẽ được phong võ thuận hòa, điền viên thêm thanh mậu, không khí thường được thanh lương, người thêm thơ thời mạnh khỏe, khỏi bệnh hiểm nghèo, khỏi nạn tai sẽ đến.*

“*Muốn hưởng lạc cảnh này, thì chỉ có tùng luật lệ của Đạo Trời mới mở, buộc nhứt là ăn chay làm lành...*”⁽⁸⁰⁾

THỨ BẢY 19-5-1945 (08-4 Ất Dậu):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ra Tuyên Ngôn:

“*Thời cuộc lúc này rất nghiêm trọng. Chư hiền hữu nên nhớ lại những lời của Bản Đạo đã khuyên dạy về cử chỉ của người đạo đối với đời. Nhứt là không nhúng tay vào quốc sự, chiến tranh, mà phải có hại không khởi. Trái lại, nhơn lúc này mà lo lập thêm công quả và lo phổ độ những người trong địa phận họ đạo mình cho biết nhập môn tu hành...*

“*Phổ độ người đồng chủng với mình biết bỏ quấy theo lành, tu nhơn tích đức, cũng là giúp ích cho nước nhà, hóa dân vi thiện, không luận là nhập theo đảng phái mới gọi là ái quốc.*”⁽⁸¹⁾

⁽⁸⁰⁾ *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 78.

⁽⁸¹⁾ *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 77.

THỨ NĂM 20-9-1945 (15-8 Ất Dậu):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ra Tuyên Ngôn:

“Nếu các em quên lời dạy của Thầy và không nhớ lời khuyên của Tệ Huynh, tự mình đem mình vào nơi hiểm địa bên đời, nơi chốn có sự tranh đấu quyền lợi, tức là các em đem Đạo vào nơi một phạm vi rất hẹp, nghịch ý Trời, lỗi lời nguyện mà phải phạm Thiên điều...”

Tóm tắt, các em cứ thành tâm tu niệm, ráng lập mình nên gương, nên đạo đức, ráng độ người theo chánh về lành. Việc đó rất hữu ích cho người đời, cũng là cho nước nhà vậy. Rất thuận Thiên ý, đẹp lòng Trời. Có thể chiêu tập được nhiều phước lành, đưa nước nhà khỏi nạn tai còn sẽ tới.” ⁽⁸²⁾

THỨ HAI 11-02-1946 (10-01 Bính Tuất):

Quân Pháp tái chiếm Bến Tre. Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương rời Thiên Lý Mật Truyền ra gặp các sĩ quan Pháp để bảo lãnh cho bản đạo và Hội Thánh. Vì còn trong thời gian đại tịnh, tiền khai chỉ viết trên giấy (bút đàm).

THỨ BẢY 19-10-1946 (25-9 Bính Tuất):

Một phái đoàn quan chức thay mặt Giám Mục Ngô Đình Thục ⁽⁸³⁾ đến viếng Hội Thánh, và trình Giáo Tông Nguyễn

Ngọc Tương hai việc: (a) Làm thế nào chấm dứt xung đột Việt-Pháp? (b) Muốn có sự liên lạc mật thiết giữa hai đạo Thiên Chúa và đạo Cao Đài.

Tiền khai trả lời:

“Vì còn trong đại tịnh, Bản Đạo chưa có thể tiếp kiến được.

Muốn cho Pháp Nam hiểu biết nhau, cho khỏi sự xung đột nữa, thì hai bên cần phải nhìn nhận quả quyết rằng chi chi cũng có Đấng Chúa Trời định đoạt trước, và có Phật, Tiên, Thánh, Thần thi hành Thiên ý.

Hiện bây giờ muốn biết quả quyết có Trời và Phật, Tiên, Thánh, Thần, thì phải biết nhìn nhận có đạo Cao Đài, là của Đấng Chúa Trời đã đem khai trong nước Việt Nam từ năm 1926 tới bây giờ, và quan sát những thánh giáo của Đấng Chúa Trời đã giảng dạy, và sự tu hành của những người thiết tu về đạo Cao Đài.

Nếu hiểu rõ được đạo Cao Đài rồi, thì biết nhìn nhận rằng cả nhơn loại đều là con chung của một Cha Trời, tức là anh em với nhau, rồi gìn một Đạo với nhau, thì sự xung đột hết thấy, mà sẽ thấy đem lại những sự thương yêu hòa thuận.

quận thuộc tỉnh Cần Thơ. Tòa Thánh bổ nhiệm linh mục Phêrô Máctinô Ngô Đình Thục (1897-1984) làm giám mục giáo phận Vĩnh Long, lễ tấn phong tại nhà thờ Chính Tòa Phủ Cam (Huế) ngày 04-5-1938. Ngày 12-4-1961 Ngô Đình Thục bắt đầu làm tổng giám mục phụ trách tổng giáo phận Huế.

⁽⁸²⁾ *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 77.

⁽⁸³⁾ Ngày 08-01-1938, Tòa Thánh Vatican thành lập giáo phận Vĩnh Long, gồm ba tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre, và hai

Đạo Cao Đài từ khi mới lập, đã có tỏ ý liên lạc với Ngũ Chi Đại Đạo. Trong Ngũ Chi Đại Đạo có đạo Thánh [Thiên Chúa], thì tự nhiên theo ý Trời đã định, sớm muộn đạo Thánh cũng phải hiệp với đạo Cao Đài.

Nay Đức Cha đã tỏ ý muốn liên lạc mật thiết, thì sự hiệp một có lẽ sẽ thấy gần đây.

LÝ GIÁO TÔNG

Tái bút: Xin mời quý vị thượng quan ở lại vài hôm để hiểu biết thêm việc Đạo nơi đây.”

Sau đó, Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương dạy Hội Thánh phái chức sắc đi đáp lễ Giám Mục Ngô Đình Thục.⁽⁸⁴⁾

1947 (Đinh Hợi):

Đầu năm này, con trai tiền khai Nguyễn Ngọc Tương là kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích bị giặc Pháp bắt.⁽⁸⁵⁾ Để giữ trọn

⁽⁸⁴⁾ *Tiểu sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 71-72.

⁽⁸⁵⁾ Ông Nguyễn Ngọc Bích sinh năm 1911 tại làng An Hội, tổng Bảo Hựu (nay là phường 5, thành phố Bến Tre), qua Pháp học trường Bách Khoa (*Polytechnique*) tại Paris. Tốt nghiệp kỹ sư cầu cống, ông về nước làm việc ở Sở Thủy Lợi của tỉnh Sóc Trăng cho đến ngày Nhật đảo chánh Pháp. Sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946) ông tham gia kháng chiến, làm Khu Bộ Phó của Khu 9 (Tây Nam Bộ). Đầu năm 1947, giặc Pháp càn quét ở Sóc Trăng, ông bị bắt làm tù binh. Năm 1948, ông bị cưỡng bách đưa về Pháp (vì có quốc tịch Pháp). Tại Paris, ông mở nhà xuất bản *Minh Tân*, in được nhiều tác phẩm giá trị. Ông lấy thêm bằng bác sĩ, chuyên khoa ung thư. Ông mất năm

vẹn tinh thần thuần chân vô ngã của Đạo, tiền khai không chịu dùng uy tín của Người để bảo lãnh con (y như trường hợp sau này, vào tháng 6-1949, khi con tiền khai là kỹ sư Nguyễn Ngọc Nhựt bị giặc Pháp bắt).

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương sai dịch các Tuyên Ngôn ra tiếng Pháp, rồi in song ngữ Việt-Pháp để phổ biến cho nhơn sanh. Mỗi Tuyên Ngôn in khoảng vài ba chục ngàn bản. Ngoài ra tiền khai còn dạy gởi các báo Việt, Pháp đăng các Tuyên Ngôn ấy.

THỨ NĂM 30-01-1947 (09-01 Đinh Hợi):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ra Tuyên Ngôn:

“Nhơn sanh phải chịu đau thảm thiệt mạng khôn cùng. Ấy là đời sắp tiêu diệt đó. Vậy nên Đạo Trời mới mở kỳ ba, đại ân xá mới có ban hành. Nhơn sanh phải nhập môn giữ Đạo, làm phải làm lành thì mới được hưởng đại ân xá ấy.

Đại ân xá là một sự rất quý báu của Đạo Trời, người tu vào Đạo Trời nhờ đó mà tội lỗi kiếp trước và kiếp này được bôi xóa; nhờ đó mà thân tâm mình mới được trong sạch trở lại, được hưởng khí thanh, nó đưa mình ra ngoài vòng tiêu diệt của tận thế.”⁽⁸⁶⁾

THỨ SÁU 07-3-1947 (15-02 Đinh Hợi):

1966 tại Thủ Đức vì ung thư, an táng tại Bến Tre, gần bào đệ Nguyễn Ngọc Nhựt.

⁽⁸⁶⁾ *Tiểu sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 75-76.

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ra Tuyên Ngôn:

“Trong thời kỳ rất khó khăn này, chư hiền hữu phải ráng lo giữ Đạo cho thêm sốt sắng, đức tin cho thêm bền vững, và đừng để cám dỗ ép buộc, xa Đạo mà trở lại đời loạn ly đau thảm.

Chư hiền hữu đã chọn theo về bên Đạo, phải cứ giữ một đường mà đi tới. Người giữ Đạo Trời với lòng thành thật, cũng có thể chiêu tập được nhiều phước lành hữu ích cho Nhơn sanh, và cũng cho nước nhà vậy. Nước có đức được thanh thoi hưng thịnh lâu dài. Nước không đức chẳng sớm thì muộn không khỏi nạn tai đưa đến đôn dập.”⁽⁸⁷⁾

THỨ HAI 29-9-1947 (15-8 Đinh Hợi):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ra Tuyên Ngôn:

“Dân Nam chúng ta thường xưng mình là giống dân Hồng Lạc, tức là giống dòng Tiên Thánh vậy. Chúng ta rất tin tưởng kính thờ Trời, Phật, Tiên, Thánh, Thần, và ông bà cha mẹ. Chúng ta đã có được nhiều ân huệ của Trời ban, và có nhiều trang lịch sử khá đẹp.

Nhưng hiện nay, Bản Đạo lấy làm buồn mà thấy một số đông người Nam mất hẳn hết đức tin của tổ tông thuở trước, mà mê man trong giả mộng theo vật chất bên đời. Cái nạn đao binh khói lửa nó đang đưa nước nhà lần lần đến cảnh điêu tàn hiu quạnh, cũng do nơi sự mất đức tin mà ra.

⁽⁸⁷⁾ Tiểu sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương, tr. 77.

Bản Đạo cất lời tha thiết kêu gọi các đảng Nhơn sanh Nam Việt:

- Nên bỏ hết những tình dục, như là tham ghét oán thù.
- Tin quả quyết có Trời là Đấng Tạo Hóa sanh Nhơn sanh vật.
- Nên sớm nhập Đạo Trời đã mở với đại ân xá kỳ ba.

Ấy là đường vĩnh sanh có một, của Đạo Trời đã mở để cứu vớt sanh linh mà đem qua thượng ngươn tái tạo. Tận thế hầu gần, nếu ai còn dự dự nữa, thì sẽ mất dịp thoát vòng tiêu diệt của đời cùng.”⁽⁸⁸⁾

THỨ BẢY 11-10-1947 (27-8 Đinh Hợi):

Nhân danh là Lý Giáo Tông cảm giềng mối đạo Cao Đài, tiên khai Nguyễn Ngọc Tương gửi thư cho Emile Bollaert (vừa được bổ nhiệm làm Cao Ủy Pháp ở Sài Gòn ngày 05-3-1947 để giải quyết chiến tranh Đông Dương). Bản dịch:

“Kính Thượng Quan,

Sự tiêu diệt lớn lao Nhơn vật sẽ hiện tượng gần đây. Ấy là đại quả kiếp lâu đời của các dân tộc sắp đến bồi với nhau một lần chót nữa.

Khi những nợ tiền khiên chòng chấp ấy trả xong, thì Thiên Đình sẽ ban xuống một đạo luật hình đặc biệt, để tảo trừ hung, khử tà, đem quả địa cầu trở lại thanh khiết.

⁽⁸⁸⁾ Tiểu sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương, tr. 76.

Ấy là những điềm ra trước của tận thế đó vậy.

Đạo Cao Đài chính thật của Đấng Chúa Trời đã mở từ năm 1926, hiệp Ngũ Chi Đại Đạo là Phật, Tiên, Thánh, Thần, và Nhơn Đạo, khi ấy sẽ thật hành ráo riết vai tuồng chánh thức của mình. Nhờ sự hành động sốt sắng của đạo binh vô số Thần Thánh, Đạo sẽ lan truyền một lượt ra khắp Ngũ Châu. Và nhờ đại ân xá kỳ ba của Trời ban, mà cứu vớt sanh linh khỏi vòng tiêu diệt của đời cùng.

Nhơn sanh chỉ có thành thật nhập môn vào Đạo Trời mới mở, thì sẽ được hưởng ân xá tội tình, có thể đem mình ra khỏi nơi tiêu diệt.

Sau khi những việc trên đây lần lượt trải qua, có thể làm cho mặt thế đối đời, thì sẽ tới sự phán xét đại đồng. Các đảng linh hồn bỏ xác từ năm 1914 trong vạn quốc sẽ đến hầu trước Tòa Phán Xét, mà nghe Thiên Đình định sự thưởng phạt cho mình.

Sẽ phân biệt được đại khái ba bậc linh hồn:

a. Những linh hồn trong sạch hoàn toàn sẽ được lên Thiên Đàng.

b. Những linh hồn có ít âm chất thì sẽ được đầu thai trở lại quả địa cầu này (đã được nhắc lên một bậc), mà tiếp tục trau dồi hạnh đức.

c. Còn những linh hồn cứ làm quấy mãi, không nghe những lời kêu gọi về thiện, về phải, về lành, thì sẽ bị đưa xuống quả địa cầu số 68 để đền tội và ở lại lớp cũ mà lo tấn hóa.

Nơi đời thượng nguồn đấng tái tạo, sẽ thấy những sự tin tưởng kính thờ Đạo Trời mới mở, sự hiền lương đạo đức và sự thuận thảo hòa bình, đại đồng miên viễn. Các sắc dân sẽ nhận tình anh em bình đẳng với nhau, và các nước sẽ đồng ý hiệp nhau thành một đại gia đình, để trọn đức tin nơi một Chúa tối cao, một Cha duy nhất.

Sẽ dứt hết những sự can qua. Nếu có xích mích nhau thì để cho trong nhà lo sự hòa giải êm thuận.

Còn những dân tộc nhược tiểu ở dưới quyền bảo hộ, thì Thiên ý định phải được giải phóng, nếu chúng mong muốn, đừng cho chúng được tự do hành động theo nguyện vọng của mình, qua những nạn tai của mấy năm sau cùng của tận thế. Nếu chúng bị tiêu diệt vì bởi sự ràng buộc còn trở ngại, thì trước Tòa Thiên Liêng, tự nhiên chúng sẽ đổ tội cho thủ hộ của chúng.

Kính Thượng Quan,

Trong đời hạ nguồn tiêu diệt, chúng ta không nên lãng phí ngày giờ mà tính toán những việc thế thân, quyền lợi phù du; mà chúng ta có lợi lo hiệp cùng nhau trên căn bản đức tin Đạo Trời mới mở, bỏ hết những tánh ích kỷ tổn nhơn, mà đồng ý thật tình thương yêu hòa thuận. Nhờ sự sửa đổi tánh tình mau lẹ này, mà chúng ta sẽ được trở lại trong huệ ân thiên liêng và hưởng được đại ân xá kỳ ba, có sức giải được những sự xung đột giữa các nước, và đem lại cho chúng ta sự hòa bình hạnh phúc.”⁽⁸⁹⁾

⁽⁸⁹⁾ Tiểu sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương, tr. 72-73.

THỨ NĂM 27-11-1947 (15-10 Đinh Hợi):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ra Tuyên Ngôn:

“Chừng nào trong thế gian, các dân tộc đều biết nhìn nhận có Trời, có Đạo, có quả báo luân hồi, biết tôn trọng nhơn nghĩa đạo đức hơn quyền lợi bạc vàng, thì sự đấu tranh sẽ dứt, sự hòa bình đại đồng thế giới mới trở lại lâu dài.”⁽⁹⁰⁾

THỨ NĂM 02-6-1949 (06-5 Kỷ Sửu):

Con trai tiên khai Nguyễn Ngọc Tương là kỹ sư Nguyễn Ngọc Nhựt bị giặc Pháp bắt.⁽⁹¹⁾ Để giữ trọn vẹn tinh thần

⁽⁹⁰⁾ *Tiểu sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 76.

⁽⁹¹⁾ Ông Nguyễn Ngọc Nhựt sinh ngày 15-9-1918 tại làng An Hội (nay là phường 5, thành phố Bến Tre), du học ở Pháp, đậu bằng kỹ sư tạo tác, làm chuyên viên kỹ thuật cho các hãng buôn của Pháp trong nhiều năm. Vợ là con một kỹ sư người Pháp.

Năm 1946, ông tìm cách về nước để tham gia kháng chiến. Nhờ người anh là kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích (nguyên Khu Bộ Phó của Khu 9, bị Pháp bắt đưa sang quản thúc tại Pháp năm 1948) giúp đỡ, ông Nhựt làm căn cước giả, trà trộn trong số lính thợ Việt Nam (*ONS: Ouvrier Non Spécialisé*), đáp tàu thủy về Sài Gòn.

Đầu năm 1947, ông Nhựt ra vùng kháng chiến tại chiến khu Đồng Tháp Mười.

Năm 1948, ông được cử làm ủy viên Ủy Ban Kháng Chiến Hành Chánh Nam Bộ, phụ trách công tác thương binh và xã hội.

thuần chân vô ngã của Đạo, tiên khai không chịu dùng uy tín của Người để bảo lãnh con (y như trường hợp đầu năm 1947, khi con tiên khai là kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích bị giặc Pháp bắt).

1950-1951 (từ nửa sau năm Canh Dần tới đầu năm Tân Mão):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương vờ hầu hết chức sắc nam nữ nơi Hội Thánh lên Thiên Lý Mật Truyền để dạy việc. Ngài tiếp các chức sắc làm nhiều kỳ, ân cần dạy khuyên mỗi chức sắc phải ráng lo làm tròn phận sự của mình, và tu sửa thêm hơn cho được đầy đủ đạo đức.

Cuối năm Canh Dần, Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương truyền lệnh cho Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo phải: Lập hồ sơ chức sắc cho đầy đủ; in kinh sách cho đủ dùng; xây mộ tất cả các chức sắc quá vãng; xây hồ nước; mua vải

Ngày 02-6-1949, trong một trận càn của quân Pháp ở Đồng Tháp Mười, ông bị bắt tại Cái Bèo (tỉnh Sa Đéc, nay là tỉnh Đồng Tháp). Ông khai là Nguyễn Văn Huyện, giáo viên bình dân học vụ, nhưng quân Pháp đã điều tra được thân thế của ông.

Sau nhiều cố gắng mua chuộc, dụ hàng bị thất bại, quân Pháp tra tấn ông dã man, tiêm thuốc cho ông rối loạn thần kinh. Sau hai lần chuyển nhà tù, ông bị giặc Pháp đưa về giam ở nhà thương điên Biên Hòa, không được chữa trị. Tại đó, ông hy sinh ngày 16-5-1952.

Chính Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa truy tặng ông bằng liệt sĩ và Huân Chương Kháng Chiến hạng nhất.

trắng để dành; dự bị một số tiền chừng bốn, năm chục ngàn.

Ngài dặn gia đình sửa sang tất cả mồ mã gia tộc.⁽⁹²⁾

THỨ NĂM 19-01-1950 (02-12 Kỷ Sửu):

Từ Bến Tre, Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương gửi thư ra thánh thất Hà Nội (số 48 Hòa Mã), dặn dò Giáo Hữu Thượng Pho Thanh (Tô Văn Pho):

“Em Sáu,

“Ông gần ra tịnh. Những người thiết tu hành, thiết trung thành với Hội Thánh Bến Tre, siêng năng sốt sắng lo làm phải làm lành, lập đức bồi công hằng bữa, hết lòng hết dạ lo giúp Đạo, thiết tình **khăng** khít bên cạnh ông, thì sẽ bị khảo nội khảo ngoại càng ngày càng thêm nhiều cho đến chừng ông ra tịnh mới hết. Hễ khảo nhiều chừng nào thì công quả nhiều chừng nấy, nếu không thờ than thối chí.

“Vậy em cố giữ đức tin cho thiết mạnh mẽ luôn luôn, cho bền chặt vững vàng; ai có kiếm điều làm nhục nhã, ai có mắng nhiếc hăm dọa, ai có muốn làm thiệt hại cho em thế nào thì cũng đừng giận đừng buồn, đừng nao núng sợ sệt. Dầu có bị đau ốm gãy mòn thương thân thương thể cho mấy đi nữa cũng đừng sầu thảm ngả lòng mà lảng lơ việc đạo, mà hao mòn âm chất.

“Em nên tin chắc hẳn rằng người thiết quên mình lo

⁽⁹²⁾ *Tiểu sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 81.

giúp Đạo tức là làm việc cho Thầy thì có Thần Thánh ủng hộ luôn luôn, dầu việc hung cho thế mấy đi nữa cũng hóa ra kết được.”⁽⁹³⁾

THỨ BẢY 09-6-1951 (05-5 Tân Mão):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương dạy hai thanh đồng:

“Anh sẽ về châu Đại Từ Phụ bảy ngày. Hai em ráng giữ gìn cho thanh tịnh. Khi thấy dứt thờ quá bảy ngày mà anh chưa về, thì hai em sẽ cho Hội Thánh hay.”⁽⁹⁴⁾

THỨ BA 12-6-1951 (08-5 Tân Mão):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ngồi tịnh suốt ngày đêm.

CHỦ NHẬT 17-6-1951 (13-5 Tân Mão):

Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương dứt uống nước.

THỨ HAI 18 rạng THỨ BA 19-6-1951

(14 rạng 15-5 Tân Mão):

Vào giờ Tý, Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương dứt thờ. Tính từ ngày tiền khai nhập đại tịnh, vào giờ Tý đêm 21 rạng 22-02 Nhâm Ngọ (06 rạng 07-4-1942) đến khi xuất thần và dứt hơi thờ, thời gian đúng chín năm tám mươi một ngày.

⁽⁹³⁾ Huệ Khải, *Lược Sử Thánh Thất Hà Nội*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2015, tr. 65-66.

⁽⁹⁴⁾ *Tiểu sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 82.

THỨ TƯ 20-6-1951 (16-5 Tân Mão):

Hai thanh đồng thầy Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương dứt thở đã lâu, nên đỡ Người nằm xuống.

THỨ SÁU 22-6-1951 (18-5 Tân Mão):

Thấy tay chân Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương đều lạnh, hai thanh đồng sợ, nên tuy mới qua bốn ngày vẫn đi xuống lầu Thiên Lý Mật Truyền để báo tin Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo.

THỨ BẢY 23-6-1951 (19-5 Tân Mão):

Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo mời hai bác sĩ công và một bác sĩ tư đến. Sau khi khám nghiệm, các bác sĩ xác nhận rằng Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương đã tạ thế từ hai ngày trước; nhưng vì tinh thần mạnh mẽ nên di thể còn mềm dịu, chưa hư hoại. Hội Thánh vẫn để yên di thể, chờ thêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

CHỦ NHẬT 24 rạng THỨ HAI 25-6-1951

(20 rạng 21-5 Tân Mão):

Vào giờ Tý, Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo đưa di thể Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương vào liên đài.

THỨ HAI 25-6-1951 (21-5 Tân Mão):

Lúc 15 giờ, lễ tang bắt đầu. Tại Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo, các thánh thất và tư gia đạo hữu đều treo cờ tang. Mỗi thánh thất đều lập một bàn thờ cho đạo hữu đến vọng bái.

Lúc 16 giờ, hơn một ngàn người đưa liên đài từ Tịnh xá về Hội Thánh, nhập bửu điện rồi an vị nơi ngôi Giáo Tông.

Hội Thánh ra Tuyên Cáo số 1 về lễ tang.⁽⁹⁵⁾

THỨ NĂM 28-6-1951 (24-5 Tân Mão):

Liên đài của Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương đặt tại Cửu Trùng Thiên trong sân Đại Đồng Xã. Các lễ tế kéo dài đến Thứ Bảy 07-7-1951 (04-6 Tân Mão). Tổng cộng có một trăm ba mươi sáu lễ tế của đại diện chánh quyền, quan khách, tôn giáo bạn, các chi phái, và họ đạo. Có hơn một vạn người về viếng, từ ba miền đất nước. Mỗi ngày có hơn ba ngàn người viếng tang. Hơn hai ngàn vị cùng phụ trách lễ tang.⁽⁹⁶⁾

THỨ NĂM 05-7-1951 (02-6 Tân Mão):

Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo ra Tuyên Cáo số 2, với ba nội dung chánh: (a) Vạch rõ con đường hướng đạo của Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương; (b) Thuật rõ giai đoạn nhập diệt của Ngài; (c) Định rõ đường lối hành đạo của Hội Thánh ở hiện tại và tương lai.

Ngày an táng, liên đài Giáo Tông đặt trên linh xa, trang hoàng bằng hoa huệ trắng kết thành hình Long Mã công Hà Đồ. Hơn một vạn bôn đạo dự lễ. Linh xa đi khắp châu thành Bến Tre, rồi đưa về đặt trên nền bửu tháp trước Hiệp Thiên Đài thánh thất An Hội.

⁽⁹⁵⁾ *Tiểu sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 85-86.

⁽⁹⁶⁾ *Tiểu sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương*, tr. 87.

PHỤ BẢN



Tiền Khai Nguyễn Ngọc Tương lúc làm chủ quận Cần Giuộc trong chuyến đi Nam Vang với gia đình



Tiền khai Nguyễn Ngọc Tương lúc làm chủ quận Cần Giuộc



24-7-1934: Quyền Ngọc Đầu Sư Lê Bá Trang và phái đoàn ra Bạch Vân Điện (núi Kỳ Vân, Phước Hải, Đất Đỏ, Bà Rịa) thỉnh Quyền Thượng Đầu Sư Nguyễn Ngọc Tương trở về hành đạo.



Lễ đăng điện Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương
(Bến Tre: thánh thất An Hội, 09-5-1935)

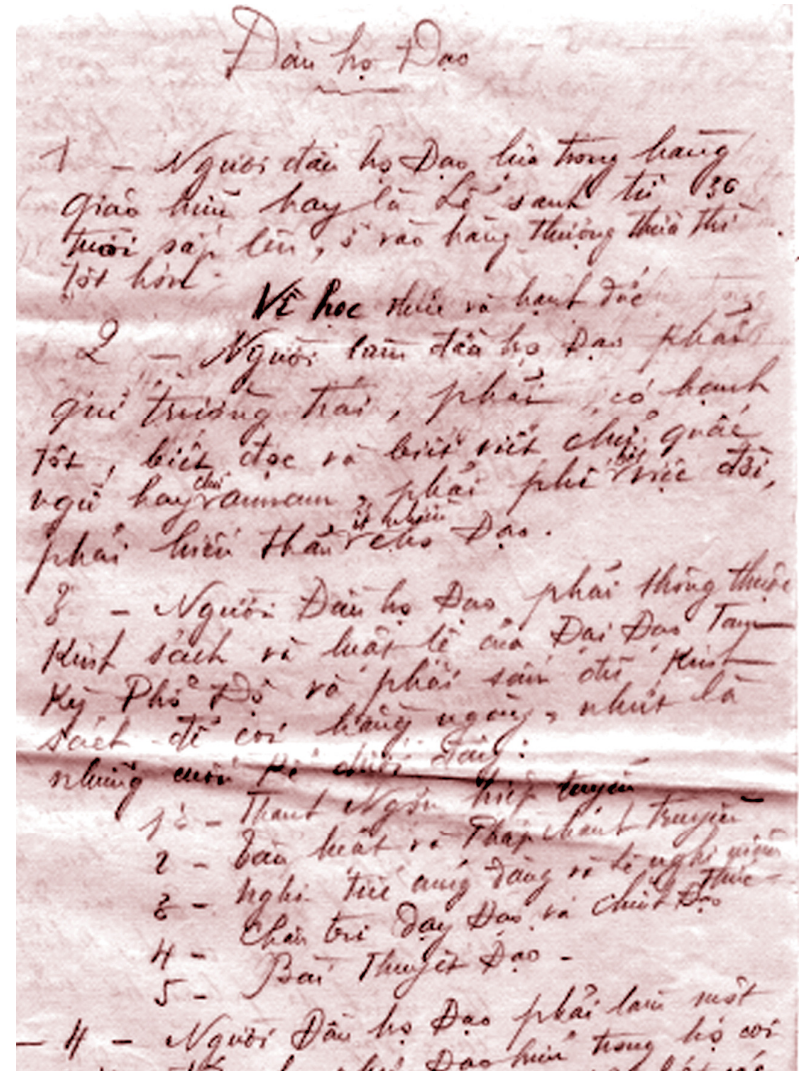


Chức sắc Hội Thánh Ban Chính Đạo (TT An Hội, 12-9-1938)



Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo: Tòa Thánh An Hội
lạc thành ngày 16-5-1937

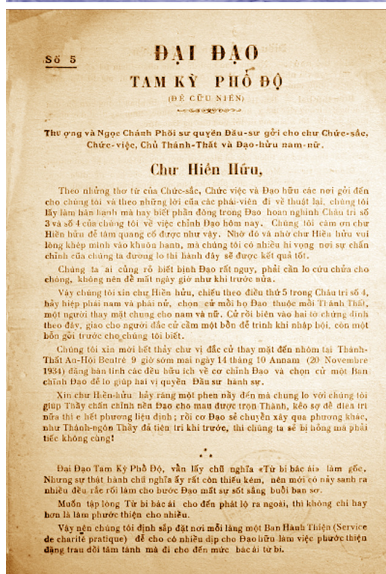
(Hiền huynh Huệ Nhẫn st)



Bản thảo quy định nhiệm vụ Đầu Họ Đạo
thủ bút tiền khai Nguyễn Ngọc Tương (hiền huynh Huệ Nhẫn st)



Tiền khai Thượng Chương Pháp
Lê Bá Trang (1878-1936)



Châu Tri chỉnh đạo số 5



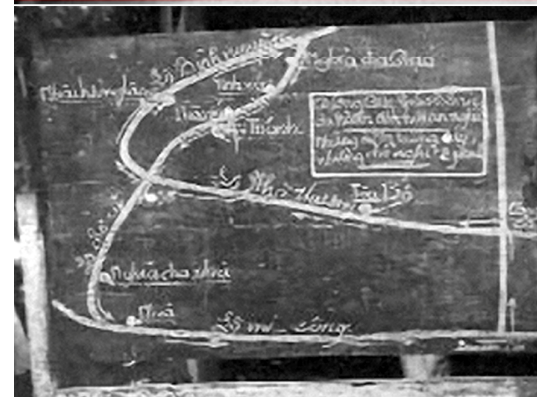
Liên đài Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương (tháng 6-1951)

Liên đài
Đức Giáo Tông
Nguyễn Ngọc Tương
tại Cửu Trùng Thiên
(Bến Tre 28-6-1951)



Hành lễ trước liên đài Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương

Lễ tang
Đức Giáo Tông
Nguyễn
Ngọc Trương



Thiên Lý
Mật Truyền
nhìn từ cổng
Trước Hoa Kỳ Thọ

Lộ trình đưa liên
đài Đức Giáo Tông
du hành quanh
thánh địa Bến Tre



Lễ tang Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương
Bến Tre 05-7-1951



Lễ tang Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương
Bến Tre 05-7-1951



Bồn đạo lập hương án trước nhà để nghinh đón linh xa.



Linh xa
Đức Giáo Tông
Nguyễn Ngọc
Tương





Dân chúng và
bộ đội nghênh
đón linh xa Đức
Giáo Tông
Nguyễn Ngọc
Tương du hành
quanh thánh địa
Bến Tre



Huệ Khải – 99



Lễ tang Đức Giáo Tông
Nguyễn Ngọc Tương

100 – Tiền Khai Nguyễn Ngọc Tương



Lễ tang Đức Giáo Tông
Nguyễn Ngọc Tương
Bến Tre 05-7-1951



Lễ tang Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương
Bến Tre, tháng 6-1951



Bửu tháp Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương
trước Tòa Thánh An Hội (Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo)
Bến Tre 2010

PHỤ LỤC

I. NGUỒN GỐC TÊN NAM KỲ LỤC TỈNH⁽¹⁾

Theo *Đại Nam Nhất Thống Chí* của Quốc Sử Quán triều Nguyễn, vào năm Mậu Dần (1698) chúa Nguyễn Phúc Chu cho lập phủ Gia Định. Năm Nhâm Tuất (1802) vua Gia Long đổi phủ Gia Định thành trấn Gia Định; đến năm Mậu Thìn (1808) đổi tên trấn Gia Định ra thành Gia Định gồm năm trấn là Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên.

Năm Minh Mạng thứ 13 (Nhâm Thìn, 1832) vua Minh Mạng đổi tên thành Gia Định ra thành Phiên An, năm trấn chia thành sáu tỉnh Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Như vậy tên Lục Tỉnh đã có từ năm 1832. Hai năm sau (Giáp Ngọ, 1834), Lục Tỉnh được gọi chung là Nam Kỳ. Năm Ất Mùi (1835), tỉnh Phiên An đổi tên là tỉnh *Gia Định*.⁽²⁾

Sau khi chiếm xong ba tỉnh miền Đông gồm Gia Định,

⁽¹⁾ Huệ Khải, *Đất Nam Kỳ – Tiền Đề Pháp Lý Mở Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2010, tr. 7-8.

⁽²⁾ *Đại Nam Nhất Thống Chí*. Tập V. Phạm Trọng Điềm dịch. Đào Duy Anh hiệu đính. Huế: Nxb Thuận Hóa, 1992, tr. 122, 133, 200, 201.

Định Tường, Biên Hòa (Nhâm Tuất, 1862) và ba tỉnh miền Tây gồm Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên (Đinh Mão, 1867), thực dân Pháp xóa bỏ cách phân chia địa giới hành chính cũ của triều Nguyễn.

Lúc đầu Pháp gọi *département* thay cho phủ, gọi *arrondissement* thay cho huyện.⁽³⁾ Khoảng năm Mậu Thìn (1868), Nam Kỳ Lục Tỉnh có hơn hai mươi *arrondissement* (gọi là *hạt* hay *địa hạt*, do *tham biện* cai trị, dinh hành chánh gọi là *tòa tham biện*, chịu dưới quyền thống đốc đóng ở Sài Gòn, thư ký địa hạt cũng gọi là *bang biện* tức là *secrétaire d'arrondissement*).

Nghị định ngày 07-6-1871 thu hẹp lại còn mười tám hạt; rồi tăng lên mười chín (1876); tăng lên hai mươi (1880); bỏ hạt hai mươi (1881); rồi lại lập thêm hạt Bạc Liêu (1882) và hạt Cap Saint Jacques (1895) thành hai mươi một *arrondissement*.

Nghị định ngày 16-01-1899 đổi tên hạt thành *tỉnh* (province), *tham biện* đổi thành *chủ tỉnh* (chef de province), *tòa tham biện* gọi là *tòa bố*.

II. LỤC TỈNH CHIA RA HAI MƯƠI MỘT TỈNH⁽⁴⁾

Vài chục năm sau mới chia tỉnh ra *quận* (délégation)

⁽³⁾ *Bulletin de la Société des Études Indochinoises* (Nouvelle série, Tome XX). Sài Gòn: 1945, p. 16.

⁽⁴⁾ Huệ Khải, *Đất Nam Kỳ – Tiền Đề Pháp Lý Mở Đạo Cao Đài*, tr. 8-10.

dưới quyền *chủ quận*; quận chia ra *tổng* (canton), đứng đầu là *cai tổng* (chef de canton). Tổng chia thành *xã*.⁽⁵⁾

Do có thay đổi tên theo nghị định 1899, dân Nam Kỳ thời trước còn gọi viên chức đầu tỉnh là quan *tham biện chủ tỉnh*; người thông ngôn cho chủ tỉnh được gọi là *thông ngôn đứng bàn ông chánh*.⁽⁶⁾ Như vậy, do nghị định 1899, từ năm Kỷ Hợi (1899), Lục Tỉnh của Nam Kỳ chia thành hai mươi một tỉnh như sau:

- Gia Định chia thành năm tỉnh: Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, Tây Ninh, Gò Công.
- Biên Hòa chia thành bốn tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một, Cap Saint Jacques (tức Vũng Tàu).
- Định Tường đổi thành Mỹ Tho.
- Vĩnh Long chia thành ba tỉnh: Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh.
- An Giang chia thành năm tỉnh: Châu Đốc, Long

⁽⁵⁾ Theo *Bulletin de la Société des Études Indochinoises* (Nouvelle série, Tome XX). Sài Gòn: 1945, p. 16-35; và theo Nguyễn Đình Đầu, “*Địa Bàn Thành Phố Qua Các Thời Kỳ*”, in trong *Địa Chí Văn Hóa Tp.HCM*. Nxb Tp.HCM, 1988, tr. 485-486. Theo Đào Văn Hội, *Lịch Trình Hành Chánh Nam Phần*. Sài Gòn: 1961, Chương IV, tham biện là *inspection*; viên chức trông coi *inspection* gọi là *inspecteur* hay *résident*. Về tên *bang biện*, xem Paulus Huỳnh Tịnh Của, *Sách Quan Chế*. Sài Gòn: Bản in Nhà nước, 1888, tr. 15.

⁽⁶⁾ Sơn Nam, *Miền Nam Đầu Thế Kỷ XX: Thiên Địa Hội Và Cuộc Minh Tân*. 1971, tr. 99.

Xuyên, Sa Đéc, Sóc Trăng, Cần Thơ.

- Hà Tiên chia thành ba tỉnh: Hà Tiên, Rạch Giá, Bạc Liêu.

Chia lại đất Nam Kỳ thành hai mươi một tỉnh,⁽⁷⁾ có lẽ thực dân Pháp muốn xóa nhòa hai chữ Lục Tỉnh trong lòng người Việt, cũng là cách cắt đứt lòng lưu luyến với truyền thống, một thủ đoạn tâm lý bên cạnh các cuộc đàn áp những phong trào yêu nước kháng chiến.

Nhưng dân Nam Kỳ vẫn hoài vọng Lục Tỉnh. Nên mãi đến năm Mậu Thân (1908) trên tờ báo *Lục Tỉnh Tân Văn* do ông Gilbert Trần Chánh Chiêu làm chủ bút, vẫn xuất hiện thường xuyên tên Lục Tỉnh, Lục Châu. Mùa Thu năm Bính Dần (1926), khi khởi đầu công cuộc phổ độ ở miền Nam, các vị tiên khai đạo Cao Đài đã gọi đó là cuộc *phổ độ Lục Tỉnh*. Mãi đến thập niên 50 và 60, ở miền Nam cũng còn nói, nhắc đến hai chữ Lục Tỉnh xa xưa này.

Thực dân Pháp bỏ tên Lục Tỉnh nhưng còn giữ lại hai chữ Nam Kỳ, gọi là *Cochinchine*, phân biệt với Bắc Kỳ là *Tonkin*, Trung Kỳ là *Annam*. Người Anh, Mỹ cũng gọi Nam Kỳ là *Cochinchina*. Giới học giả trong và ngoài nước từng đưa ra nhiều cách lý giải khác nhau về xuất xứ tên gọi *Cochinchine*, nhưng vẫn chưa ngã ngũ.⁽⁸⁾

⁽⁷⁾ Sau này, ngày 11-5-1944, Pháp lập tỉnh thứ hai mươi hai là Tân Bình, gồm một phần tỉnh Gia Định và Chợ Lớn nhập lại.

⁽⁸⁾ Để tham khảo, sau đây là cách giải thích của Nguyễn Đình Đầu (“*Thay lời giới thiệu*”, in trong: Pierre Pegneaux de

Béhaine [Bá Đa Lộc Bi Nhu], *Tự Vị An Nam La Tinh*. Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên dịch và giới thiệu. Nxb Trẻ, 1999, tr. 5-6.):

“Chúng ta có thể tóm tắt: địa danh COCINCINA chia ra làm hai phần COCIN và CINA. Cocin nguyên trước là Co Ci, do phiên âm hai tiếng Giao Chi mà thành (vì thế *Tự Vị An Nam La Tinh* mới dịch Người Giao Chi là Cocincinenses). Còn Cina thì bởi âm Sin hay Ts’inn và người mình đọc là Tần mà ra. Bên Ấn Độ có một thành phố tên COCHIN, sợ lẫn với Cochi hay Cochín, nên phải ghi rõ “Giao Chi (gần) Tần” và chữ La Tinh ghi thành COCINCINA (mà người Nhật hay Trung Hoa ghi ra Giao Chi Chi Na). Trên các bản đồ Tây phương vẽ Đông Nam Á, từ trước cho tới thế kỷ XVII, đều ghi trên địa phận nước ta tên COCINCINA, CAUCHINCHINA, COCHINCHINA, COCHINCHINE hoặc dạng tự nào đại khái như thế để nói lên đó là xứ GIAO CHỈ GẦN NƯỚC TẦN. Do đó, ta có thể đoán địa danh ấy đã xuất hiện từ khi nước ta gọi là quận Giao Chi bị nhà Tần đô hộ.

“Từ đầu thế kỷ XVII, hai họ Trịnh-Nguyễn tranh giành quyền lực, phân chia nước ta thành hai vùng cai trị Đàng Trong và Đàng Ngoài, lấy sông Gianh làm ranh giới phân ly. Trên bản đồ cũng như trong văn kiện, người Tây phương gọi Đàng Ngoài là TUNQUYN (hoặc nhiều dạng tương tự như TUMQUYN, TUNKIN, TONGKING, TONKIN...) tức lấy tên thủ đô ĐÔNG KINH để gọi bao quát cả Đàng Ngoài. Còn Đàng Trong thì họ vẫn dùng tên cũ COCINCINA mà gọi. Đàng Trong dưới thời Đắc Lộ (*Từ Điển Việt-Bồ-La*) rộng từ sông Gianh tới núi Đá Bia ở dinh Phú Yên. Trên một thế kỷ sau – thời của Bi Nhu với *Tự Vị An Nam La Tinh* –, địa danh COCINCINA lại chỉ thêm phần đất phương nam rất rộng lớn. Phần Nam Bộ xưa được mệnh danh là xứ Đồng Nai. Năm 1698, xứ Đồng Nai được thiết lập phủ huyện. Phủ GIA ĐỊNH

III. VAI THUẬT NGỮ HÀNH CHÍNH Ở NAM KỲ THỜI PHÁP CHIẾM⁽⁹⁾

1. Thống Đốc và Thanh Tra

Đứng đầu bộ máy hành chính Nam Kỳ thời Pháp chiếm là *Thống Đốc Nam Kỳ* (Gouverneur de la Cochinchine). Viên chức này do Toàn Quyền Đông Pháp, tức Đông Dương thuộc Pháp, giới thiệu và được Tổng Trưởng Thuộc Địa bổ nhiệm.

Toàn Quyền còn cử thêm một viên chức lưu động, hàng năm thanh tra các tỉnh một lần và báo cáo cho Thống Đốc. Đó là *Thanh Tra Chánh Trị Và Hành Chánh Sự Vụ* (Inspecteur des Affaires politiques et administratives).

tồn tại suốt từ đó đến năm 1800 và bao gồm toàn thể đất Nam Bộ. (...) Lại từ sau 1885, khi Pháp đã chiếm hết Việt Nam, Pháp chia cắt nước ta thành ba khúc và mệnh danh:

TONKIN là BẮC KỲ

ANNAM là TRUNG KỲ

COCHINCHINE là NAM KỲ

“Cả ba địa danh Đông Kinh, An Nam, Giao Chỉ (gần) Tàn đã bị Tây ngữ hóa và đặt tên cho những phần đất chẳng ăn nhằm gì với ý nghĩa của nguyên ngữ.”

Huệ Khải nói thêm: COCHIN mà Nguyễn Đình Đầu nói tới là một cảng trên bờ biển Malabar ở tây nam Ấn Độ, là nơi người phương Tây đặt chân lên nước Ấn trước tiên. Cảng bị thực dân Bồ Đào Nha chiếm từ năm 1502.

⁽⁹⁾ Huệ Khải, *Đất Nam Kỳ – Tiền Đề Pháp Lý Mở Đạo Cao Đài*, tr. 11-16.

2. Soái Phủ

Trụ sở của Thống Đốc đặt tại Sài Gòn (về sau gọi là Dinh Gia Long). Người miền Nam quen gọi là *Soái Phủ Nam Kỳ* (Gouvernement des Amiraux), vì cho tới năm 1878 nó còn là dinh của một quan võ Pháp, hàm Lieutenant-Gouverneur, tức *Phó Soái*. Kể từ năm 1879 mới thay quan võ bằng quan văn, và Thống Đốc Nam Kỳ (dân sự) đầu tiên là Le Myre de Vilers. Mãi đến năm 1926, khi nói tới Quyền Thống Đốc Le Fol, người Nam Kỳ vẫn còn lẫn lộn gọi là Thống Soái, Phó Soái, dù ông không phải là sĩ quan.

3. Chủ Tỉnh, Chủ Quận, Tri Phủ, Tri Huyện

Ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, tỉnh chia thành nhiều *phủ*, đứng đầu là *tri phủ*; phủ chia thành nhiều *huyện*, đứng đầu là *tri huyện*. Ở Nam Kỳ, tỉnh chia thành nhiều *quận*, đứng đầu là *chủ quận*. Quận chia thành nhiều *tổng*, đứng đầu là *cai tổng* (chef de canton). Tổng chia thành nhiều *làng*.

Chủ tỉnh là người Pháp. Do Nghị định ngày 15-02-1898, chủ quận được tuyển trong số viên chức hành chính người Việt nào đã có ngạch huyện, phủ, đốc phủ sứ. Cho nên tri huyện, tri phủ ở Nam Kỳ chỉ là ngạch trật về hành chính, không phải là quan chức như ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, nhưng người miền Nam quen gọi chủ quận là quan phủ, quan huyện. Những viên chức người Việt này xuất thân là thơ ký, có thể có một ít vốn chữ Nho, học ở trường làng trước khi vào học chương trình Pháp ở collège de Mỹ Tho

(nay là trường Nguyễn Đình Chiểu) và trường Bôn Quốc ở Sài Gòn, tức là lycée Chasseloup-Laubat, sau đổi tên thành Jean Jacques Rousseau (nay là trường Lê Quý Đôn). Phần lớn các bậc tiền khai đạo Cao Đài đã xuất thân từ hai trường học này. Hai trường trung học lớn khác là Petrus Ký ở Sài Gòn và collège de Cần Thơ.

4. Collège de Mỹ Tho

Nghị định ngày 17-3-1879 của Thống Đốc Nam Kỳ Le Myre de Vilers thành lập *collège de Mỹ Tho* tại tỉnh Mỹ Tho (nghị định bổ sung ngày 14-6-1880). Ngày 02-12-1942, trường đổi tên là *collège Le Myre de Vilers*. Do nghị định 179-NĐ ngày 22-3-1953 của Tổng Trưởng Giáo Dục Nguyễn Thành Giung, trường đổi tên là trung học Nguyễn Đình Chiểu cho tới nay. Ông Giung sinh năm 1894 tại Sa Đéc, lấy tiến sĩ vạn vật học tại Marseille (Pháp), làm Tổng Trưởng Bộ Giáo Dục nhiệm kỳ 1952-1953 thời Bảo Đại làm Quốc Trưởng Quốc Gia Việt Nam (*l'État du Việt Nam*). Bấy giờ Thủ Tướng là Nguyễn Văn Tâm, nhiệm kỳ từ 23-6-1952 đến 07-12-1953.

Charles Marie le Myre de Vilers là cựu tỉnh trưởng (*préfet*), cựu giám đốc dân sự vụ (*directeur des affaires civiles*) ở Algérie, được bổ làm Thống Đốc Nam Kỳ ngày 13-5-1879, nhậm chức từ 07-7-1879 đến 11-01-1883, vắng mặt ở Sài Gòn từ 04-3-1881 đến 31-10-1881. (Xem: Commission française du Guide des Sources de l'Histoire des Nations, *Sources de l'Histoire de l'Asie et de l'Océanie dans les Archives et Bibliothèques françaises*. Part I:

Archives. [Ouvrage préparé avec l'aide et sous les auspices de l'Unesco.] München: K.G. Saur, 1981, pp. 538-539.)⁽¹⁰⁾

5. Collège Chasseloup-Laubat

Lược sử trường Chasseloup-Laubat: Pháp thành lập école Normale colonial (trường sư phạm thuộc địa, 10-7-1871); xây trên nền cũ chùa Khải Tường (12-8-1871). Đổi tên thành collège Indigène (trường bản xứ, 1874). Đổi tên thành collège Chasseloup-Laubat (1876), chia ra khu Âu (*quartier européen*) và khu bản xứ (*quartier indigène*). Tách khu bản xứ nhập sang collège de Cochinchine (trung học Nam Kỳ, 15-7-1927). Collège de Cochinchine đổi tên thành lycée Petrus Ký, còn collège Chasseloup-Laubat đổi tên thành lycée Chasseloup-Laubat (1928). Từ 1966 tới nay lycée Chasseloup-Laubat đổi tên là trường trung học Lê Quý Đôn.

Chasseloup-Laubat là Bộ Trưởng Hải Quân và Thuộc Địa của triều đình Pháp, chủ trương chiếm Sài Gòn để làm căn cứ thuận lợi cho quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông. Ông ta tác động vua Napoléon III rất nhiều trong chính sách xâm lược, cướp Nam Kỳ làm thuộc địa.⁽¹¹⁾

⁽¹⁰⁾ Huệ Khải, *Ngô Văn Chiêu - Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2012, tr. 38.

⁽¹¹⁾ Huệ Khải, *Ngô Văn Chiêu - Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên*, tr. 39.

SÁCH THAM KHẢO

- Huệ Khải, *Đất Nam Kỳ – Tiền Đề Pháp Lý Mở Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2010.
- Huệ Khải, *Ngô Văn Chiêu - Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2012.
- Huệ Nhẫn, *Lịch Sử Đạo Cao Đài*. Quyển II. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2008.
- Nguyễn Như Luân, *200 Năm Dương Lịch Và Âm Lịch Đối Chiếu (1780-1980)*. Sài Gòn: Nxb Khai Trí 1968.
- Nguyễn Thế Anh, *Việt Nam Dưới Thời Pháp Đô Hộ*. Sài Gòn: Nxb Lửa Thiêng 1970.
- Nha Khí Tượng Việt Nam, *Lịch Thế Kỷ XX (1901-2000)*. Hà Nội: Nxb Phổ Thông, 1976.
- Thánh thất An Hội (Bến Tre), *Châu Tri Chính Đạo 1934-1936*. Sài Gòn: Nhà in Hòa Chánh 1954.
- [Thánh thất An Hội (Bến Tre),] *Tiểu Sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương 1881-1951*. Sài Gòn: Nhà in Hòa Chánh 1958.

XÂY DỰNG TỦ KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO TRONG TỪNG NHÀ TÍN HỮUCAO ĐÀI

“... mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh hiền truyện.”

Đức **GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO**
Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tư), 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965)

Từ lúc nhập môn đến giờ, ai cũng có vài quyển kinh sách Cao Đài trong nhà, và trong tám năm nay, với sự ra đời của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo, bổn đạo chúng ta đã lần lượt đón nhận được hơn trăm đầu sách bao gồm những nội dung về: sử Đạo; chú giải kinh văn nhật tụng; giáo lý tổng hợp từ Tam Giáo, Ngũ Chi; đối thoại, giao lưu tôn giáo bạn. Đây là khối tài sản tinh thần giúp ta mở mang kiến thức về đạo đức và cũng là tài sản vô hình mà mỗi người tín hữu chúng ta phải chất chiu, dành dụm trên đường dài tu học và hành đạo để làm giàu thêm công hạnh; đủ khả năng giành lấy phẩm vị thiêng liêng, đạt được mục tiêu **Thế** Đạo đại đồng, Thiên Đạo giải thoát.

Một số gia đình đạo hữu chúng ta đã có sẵn một số kinh sách, nhưng phần đông thường thiếu điều kiện sắm được tủ sách hoặc kệ sách để sắp xếp, lưu giữ những quyển kinh sách theo thứ tự ngăn nắp. Về điểm này, thiết nghĩ các Ban Trị Sự, Ban Cai Quản của mỗi thánh thất, thánh tịnh nên phát động một phong trào tạm gọi là *gây dựng tủ kinh sách gia đình*. Nếu gia đình nào nghèo quá, không sắm được tủ

kệ dựng kinh sách thì Ban Trị Sự sở tại sẽ có phương cách chung tay giúp đỡ tài chánh để lần lần hầu như gia đình môn đạo nào trong họ đạo của mình cũng đều có tủ kệ kinh sách, phân loại theo từng đầu sách mà sắp xếp theo từng ngăn.

Xây dựng tủ sách gia đình ví như xây dựng ngôi nhà cho những vị thầy ở, những vị thầy đó là thánh ngôn, thánh giáo, *Tân Luật, Pháp Chánh Truyền*, thánh kinh hiền truyện... Lúc ta quên điều gì về đạo lý, vị thầy trong ngôi nhà ấy sẽ nhắc nhở chúng ta nhớ lại; lúc ta thối chí ngã lòng, vị thầy ấy sẽ an ủi, động viên chúng ta vững lòng tinh **tấn**.

Nhiều người than không có thì giờ đọc sách, hoặc ngại đọc sách vì quen nghe băng đĩa và xem phim ảnh. Tuy nhiên, dù bận thế nào chẳng nữa chúng ta vẫn nên dành mỗi ngày từ một, hai giờ đồng hồ đọc kinh sách, bồi dưỡng kiến thức giáo lý để hoàn thiện nhân cách làm người, làm đệ tử Cao Đài, để không bị vướng vào lối tu mù mịt, không có quan điểm rõ ràng về việc tu thế nào cho đúng, để không bị lung lạc, bị lôi cuốn bởi những “đạo lạ” đang thường xuyên gõ cửa quyến rũ, mê hoặc chúng ta. Mặt khác, trân trọng tủ kệ kinh sách gia đình, thường xuyên đọc thánh kinh hiền truyện cũng là nêu gương để con cháu noi theo mà giữ gìn nếp *văn hóa đọc*, vừa bổ ích cho cá nhân, có ích cho Đạo nhà, và cho xã hội.

Bảo Học Quân **THANH CĂN**

Tòa Thánh Châu Minh, Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐÃ XUẤT BẢN (từ tháng 6-2008):

- 1-3. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐẾN VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** / *Cochinchina as a Cultural Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2008 [in 2 lần], 2012.
- 2-3. **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN** / *Ngô Văn Chiêu – the First Caodai Disciple*. Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 3-2. **LỜI VÀNG SEN TRẮNG**. Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 4-2. **LÒNG CON TIN ĐÁNG CAO ĐÀI**. Huệ Khải, 2008, 2010.
- 5-3. **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI**. Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
- 6-2. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐẾN PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** / *Cochinchina as a Legal Precondition for the Foundation of Caodaism / La Cochinchine – le Préalable Juridique pour la Fondation du Caodaïsme*. Huệ Khải. 2008, 2010.
- 7-1. **CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN**. Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
- 8-2. **BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN**. Bùi Văn Tâm, 2008, 2012.
- 9-2. **LỄ BỐN**. Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận 2008, 2009.
- 10-3. **CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ**. Phạm Văn Liêm, 2009 [in 2 lần], 2012.
- 11-2. **NHỚ ĐẠT LINH**. Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009.
- 12-3. **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI**. Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. **HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TỶ (1965)**. Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009.
- 14-4. **ĐẠO ÁO TRẮNG**. Phạm Văn Liêm, 2009, 2010, 2016.
- 15-3. **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI**. Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO**. Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-2. **THIỆN THƯ**. Lê Anh Minh, 2009, 2013.
- 18-2. **HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI**. Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 19-1. **XUÂN TRI ẨM**. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
- 20-2. **CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG**. Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. **BA MÓN BÁU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI**. Thanh Căn, 2010, 2012.
- 22-2. **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐẾN TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** / *The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2010, 2013.
- 23-2. **ƠN GỌI MIỀN TRUNG**. Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.

- 24-4. **HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI**. Diệu Nguyên, 2010 [in 2 lần], 2012, 2013.
- 25-3. **CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN**. Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.
- 26-1. **NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO**. Đơn Tâm, 2010.
- 27-2. **HÀNH TRANG TIẾN BỐI CAO TRIỀU PHÁT**. Cao Bạch Liên, Huệ Khải, 2010, 2012.
- 28-2. **TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH**. Huệ Khải, 2010, 2012.
- 29-2. **DANH THẤY DANH ĐẠO**. Đơn Tâm, 2010, 2012.
- 30-2. **MỘT DÒNG BÁT NHÃ**. Huệ Khải, 2010, 2013.
- 31-2. **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU**. Huệ Khải, 2010, 2011.
- 32-1. **NGÀI MINH THIÊN - CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP**. Đại Cơ Huân, 2010.
- 33-2. **TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO**. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012.
- 34-3. **THẤT CHÂN NHÂN QUẢ**. Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 [in 2 lần], 2012.
- 35-1. **XUÂN CHUNG TÂM**. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.
- 36-2. **ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO**. Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011, 2016.
- 37-2. **NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI**. Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 38-7. **KINH SÁM HỐI MINH HỌA**. Tranh 4 màu, 2011, 2012, 2014, 2015, 2016.
- 39-2. **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN**. Huệ Khải.
- 40-2. **SỬ MẠNG ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ**. Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 41-2. **TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ**. Phạm Văn Liêm, 2011, 2013.
- 42-2. **NHIP CẦU TƯƠNG TRI**. Huệ Khải, 2011, 2013.
- 43-2. **ĐIỂM TỰA TÂM LINH**. Huệ Khải, 2011, 2012.
- 44-2. **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ**. Huệ Khải, 2011, 2013.
- 45-1. **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**. Huệ Khải, 2011.
- 46-1. **TIẾNG CHIM QUYÊN**. Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.
- 47-1. **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI**. Huệ Khải, 2011.
- 48-2. **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC**. Huệ Khải, 2011, 2013.
- 49-1. **KINH CÚNG TỬ THỜI**. Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 50-1. **XUÂN HÒA ĐỒNG**. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.
- 51-3. **CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA**. Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 [in 2 lần], 2013.
- 52-2. **TU CỨU CỨU HUYỀN THẤT TỐ**. Huệ Khải, 2012, 2013.
- 53-1. **CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ (1928-1950) / Caodaism under Persecution in Central Vietnam 1928-1950**. Huệ Khải, 2012.
- 54-2. **BẮC CẦU TÂM LINH**. Huệ Khải, 2012, 2013.

- 55-2. **HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN**. Huệ Khải, 2012, 2013.
- 56-1. **ĐẠO LÝ HUYỀN CƠ**. Thiện Bảo, 2012.
- 57-1. **LƯỢC SỬ BÁT BỮU PHẬT ĐÀI**. Thiện Bảo, 2012.
- 58-2. **CAO ĐÀI KHÁI YẾU**. Đạt Đức, 2013, 2015.
- 59-1. **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY**. Huệ Khải, 2013.
- 60-1. **MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO**. Đơn Tâm, 2013.
- 61-2. **GIỌT NGỌC KIM BÀN**. Thanh Căn, 2013, 2014.
- 62-1. **CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ**. Huệ Khải, Lê Anh Minh (truyện tranh), 2013.
- 63-1. **CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ PHỤC SINH**. Nhiều người viết, 2013.
- 64-1. **ĐẠI ĐẠO VÀ TÔN GIÁO**. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2013.
- 65-1. **BÁT QUÁI ĐỒ THIÊN XƯA VÀ NAY**. Nhiều người viết, 2013.
- 66-1. **THƠ NGƯỜI ÁO TRẮNG**. Nhiều người viết, 2013.
- 67-2. **ƠN CỨU ĐỘ**. Diệu Nguyên, 2013, 2016.
- 68-1. **TRUNG DU HÀNH ĐẠO**. Nhiều người viết, 2013.
- 69-1. **DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN**. Huệ Khải, 2013.
- 70-1. **CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ GIẢNG SINH**. Nhiều người viết, 2013.
- 71-1. **HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY**. Huệ Khải, 2014.
- 72-1. **PETRUS KÝ XƯA VÀ NAY**. Huệ Khải, 2014.
- 73-1. **TƯỞNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ**. Huệ Khải chủ biên, 2014.
- 74-1. **HÀNH TRANG ĐỨC AN TRINH THẮN NỮ**. Huệ Khải, 2014.
- 75-1. **AN THUẬN QUẢ DUYÊN**. Diệu Nguyên, 2014.
- 76-1. **TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI**. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2014.
- 77-1. **THIÊN BÀN TẠI NHÀ / The God's Altar at Home**. Huệ Khải, 2014.
- 78-1. **SƠ KHẢO BÀI KINH NGỌC HOÀNG TÂM ẨN**. Lê Anh Minh, 2014.
- 79-1. **NGŨ GIỚI CẤM XƯA VÀ NAY / The Five Precepts Past and Present**. Huệ Khải, 2014.
- 80-1. **VẠN HẠNH THIÊN SƯ XƯA VÀ NAY**. Huệ Khải kết tập, 2014.
- 81-1. **THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC HAI BÊN**. Diệu Nguyên, 2014.
- 82-1. **TÌM HIỂU NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO**. Thanh Căn, 2014.
- 83-1. **TỰ THẤP ĐUỐC MÀ ĐI**. Thiện Quang, 2014.
- 84-1. **NỎ VÉ TÂM LINH**. Huệ Khải, 2014.
- 85-1. **GIA ĐÌNH TRONG TÂN LUẬT CAO ĐÀI / Family in the Caodai New Law**. Huệ Khải, 2014.
- 86-1. **MẤY NHÁNH RỐI SAU CÙNG MỘT NHÀ**. Phạm Văn Liêm, 2014.

Đức **THẦN OAI VIỄN TRẦN QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN** dạy ngày 02-11 Tân Mùi (Thứ Năm 10-12-1931):

“Phàm người tu hành mà đặt đặng **một bộ kinh sám** khuyên chúng làm lành thì người ấy đặng thành Tiên. Còn người văn chương quân tử mà làm đặng **một pho sách** dạy chúng luân thường đạo lý thì người đặng thành Thánh.”

(Chiếu Minh Đán, *Tam Nguơn Giác Thế*. Cần Thơ: Nhà in Phương Nam, tiền bối Cao Triều Trực ấn tống, tr. 36.)

HÀNH TRẠNG TIẾN KHAI NGUYỄN NGỌC TƯƠNG 1881-1951

Tác giả: **HUỆ KHẢI**

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Điện thoại: 04.39260024 Fax: 04.39260031

*

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập Lý Bá Toàn

Biên tập: Nguyễn Khắc Oánh

Bìa 4: Huệ Khải văn tập 慧啓文集

Thư pháp: Trương Lộ 張路

Trình bày bìa: Lê Anh Huy, Lê Anh Thư

Sửa bản in & Kỹ thuật: Nghệ Dũ Lan

*

In 5.000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm, tại XN In FAHASA
774 Trường Chinh, P. 15, Q. Tân Bình, TpHCM.

Điện thoại: (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297

Số ĐKKHXB 1066-2016/CXBIPH/61-21/HĐ

Số QĐXB của NXB: 881/QĐ-NXBHĐ

cấp ngày 28-4-2016.

In xong và nộp lưu chiểu quý Hai năm 2016.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN):

978-604-86-9722-8

87-1. **NGỌN NÉN NÀO KHÔNG TẮT.** Huệ Khải, 2015.

88-1. **MINH GIÁO THÁNH TRUYỀN.** Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, 2015.

89-1. **ĐẠO CAO ĐÀI TRONG ĐỜI SỐNG CÔNG CHÚNG.** Thiện Quang, Huệ Khải, 2015.

90-1. **MINH THIỆN CHƠN KINH.** Thánh tịnh Ngọc Linh, 2015.

91-1. **LỊCH SỬ THÁNH THẮT CAO ĐÀI THỦ ĐỘ HÀ NỘI.** Huệ Khải, 2015.

92-1. **HỒNG AN TẬN ĐỘ.** Phạm Văn Liêm, 2016.

93-1. **LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: THỜI KỲ TIẾM ẮN 1920-1926.** Huệ Khải (sắp in).

94-1. **LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: KHAI MINH ĐẠI ĐẠO 1926 / A Concise Caodai History: The 1926 Inauguration.** Huệ Khải, 2015.

95-1. **HÀNH TRẠNG TIẾN KHAI NGUYỄN NGỌC TƯƠNG 1881-1951.** Huệ Khải, 2016.

96-1. **ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN GIÁO TỪ GÓC NHÌN MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / Interfaith Dialogues as Viewed by a Caodai Believer.** Huệ Khải, 2015.

97-1. **GỠI NGƯỜI ÁO TRẮNG.** Trần Dã Sơn (thơ), 2015.

98-1. **GIỮA CHỐN TA BÀ.** Huỳnh Văn Mười (thơ), 2015.

99-1. **TRONG THỜI ĐẠI CHỨNG TẠ VỚI TÂM TÌNH MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / Nostra Aetate in a Caodai Believer's Sentiment.** Huệ Khải, 2016.

100-1. **ĐÔI ĐIỀU VỀ BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO.** Huệ Khải, 2016.

* **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7-8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15-16, 17, 18.** Hiệp tuyển thơ văn đạo lý, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016. (Phát hành mỗi quý.)

Ghi chú: 100-1 tức là quyển 100, in lần thứ nhất. 38-7 tức là quyển 38, in lần thứ bảy.